

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



MỤC LỤC

01. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

02. TỔNG QUAN VỀ BOS 08 - 19

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	08 - 09
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	10 - 11
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	14 - 15
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	14 - 15
THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	16 - 17
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ	18
ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ	19

03. SẢN PHẨM DỊCH VỤ 20 - 27

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	20 - 23
DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	24 - 25
DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH	26
DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH	27

04. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 28 - 45

KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2020	28 - 35
TRIỂN VỌNG KINH TẾ VN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2021	36 - 45

05. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 46 - 53

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	46 - 51
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52 - 53

06. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 54 - 57

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN	54 - 55
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021	56 - 57

07. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI 58 - 59

08. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 60 - 125

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	62 - 65
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	66 - 67
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	68 - 103
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020	68 - 71
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020	72 - 72
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2020	74 - 75
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2020	76
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020	77 - 103
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	104 - 125

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý Cổ đông, quý Khách hàng và các Đối tác!

Kinh tế thế giới 2020 chứng kiến những khó khăn chưa từng có do đại dịch toàn cầu Covid-19. Nhiều nền kinh tế lớn đã chính thức rơi vào suy thoái, thương mại thế giới suy giảm nghiêm trọng. Mặc dù kinh tế thế giới đi xuống, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 2,91% là một thành tích đáng ghi nhận. Mức tăng trưởng tuy thấp nhưng vẫn thuộc nhóm 10 nước trên thế giới có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất. Nhờ thành tích chống dịch hiệu quả, Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để thu hút làn sóng dịch chuyển đầu tư và tập trung phục hồi kinh tế sớm hơn các nước khác.

Năm 2020, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam được đánh giá là một trong 10 TTCK có sức chống chịu với đại dịch Covid-19 và phục hồi tốt nhất thế giới. Thanh khoản thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục. Giá trị giao dịch bình quân năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng/phiên, tăng 59,3% so với bình quân năm 2019. Bên cạnh đó, số lượng tài khoản nhà đầu tư mở mới trong năm cũng tăng mạnh với 393.659 tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới, tăng 94% so với năm 2019. TTCK phái sinh tiếp tục đóng vai trò phòng vệ rủi ro hiệu quả, có tác dụng ổn định tâm lý nhà đầu tư. Nhà đầu tư thay vì phải bán tháo cổ phiếu đã sử dụng hợp đồng tương lai chỉ số VN30-Index làm công cụ phòng vệ danh mục. Việc TTCK Việt Nam chiếm tỷ trọng cao nhất trong nhóm thị trường cận biên của MSCI sẽ thu hút một lượng vốn lớn từ các quỹ đầu tư bám theo chỉ số MSCI Frontier Markets 100 Index.

Bối cảnh thị trường đã tạo nên nhiều thách thức cũng như cơ hội trong hoạt động kinh doanh của BOS. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt kỳ vọng, nhưng BOS đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận sau gần hai năm đổi mới, đặc biệt là hoạt động nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo.

Đầu tiên là việc nâng cao hệ thống quản trị rủi ro trong một năm đầy biến động của TTCK đã giúp BOS không vướng phải thiệt hại tài chính liên quan đến tài sản rủi ro, luôn đảm bảo an toàn vốn của nhà đầu tư.

Cũng trong năm, BOS đã triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh. Kết nối giữa hệ thống bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh với Trung tâm lưu ký, HNX và các thành viên bù trừ được đảm bảo liên tục, thông suốt, không xảy ra hiện tượng gián đoạn thông tin.

Tiếp đến là những nỗ lực trong việc không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, sản phẩm và dịch vụ đã giúp BOS từng bước nâng cao vị thế và hình ảnh trên thị trường.

Năm 2021, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều rủi ro từ đại dịch Covid-19, chiến tranh thương mại và công nghệ. Bên cạnh đó, địa chính trị phức tạp, khiến giá dầu, giá vàng, chứng khoán... có nhiều biến động mạnh. Những ngày đầu năm 2021, TTCK Việt Nam lần đầu tiên quay lại lịch sử tiệm cận 1.200 điểm sau 3 năm. Với những động lực phục hồi, tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam năm 2021, TTCK sẽ tiếp tục tăng trưởng. Dù vậy, mức độ biến động của thị trường được dự báo sẽ gia tăng sau khi VN-Index xác lập các đỉnh cao mới.

Trải qua những thăng trầm cùng TTCK, với những nỗ lực không ngừng từ Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên, tôi vững tin vào quá trình đổi mới và năng lực đội ngũ công sự của mình để tiếp tục đưa BOS phát triển bền vững, mang lại những giá trị cao nhất cho khách hàng, Quý cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng.



“Không ngừng vươn xa và tối đa hóa lợi ích của khách hàng, đối tác trên cơ sở quản trị rủi ro tốt nhất”

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng Khoán BOS, tôi xin trân trọng cảm ơn quý khách hàng, quý cổ đông, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã tin tưởng, đồng hành cùng BOS trong thời gian vừa qua cũng như trong những chặng đường tiếp theo. Với kim chỉ nam “Không ngừng vươn xa và tối đa hóa lợi ích của khách hàng, đối tác trên cơ sở quản trị rủi ro tốt nhất”, chúng ta sẽ cùng nhau vững bước vào tương lai và đưa công ty lên một tầm cao mới.

Xin chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

HƯƠNG TRẦN KIỆU DUNG

TỔNG QUAN VỀ BOS

BOS 
Securities

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện.

Không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất vì lợi ích của khách hàng.

Tạo dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư.

Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực: Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác làm việc, hợp tác với BOS trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Quốc tế.

Hướng đến sự hoàn hảo: BOS hướng đến sự tăng trưởng ổn định trên cả ba phương diện là tăng thị phần môi giới và đẩy mạnh hoạt động M&A, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục ưu tiên công tác quản trị rủi ro và an toàn tài chính.

Liên tục đổi mới: Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và không ngừng phát triển các quy trình nghiệp vụ nhằm đem đến cho khách hàng lợi ích cao nhất.

Hợp tác: BOS cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ tài chính chứng khoán cho nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các quỹ, các tổ chức và các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng...



“BreakOut for Success”

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TÊN CÔNG TY:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS
TÊN TIẾNG ANH:	BOS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
TÊN GIAO DỊCH VIẾT TẮT:	BOS
MÃ CHỨNG KHOÁN:	ART
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP & HOẠT ĐỘNG:	85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/03/2008
VỐN ĐIỀU LỆ:	969.225.090.000 VNĐ (Chín trăm sáu mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)
TRỤ SỞ CÔNG TY:	Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
SỐ ĐIỆN THOẠI:	+(84-24) 3936 8366
SỐ FAX:	+(84-24) 3936 8377
WEBSITE:	www.bos.vn
EMAIL:	contact@bos.vn

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS theo quyết định số 41/GPDC-UBCK ngày 8/7/2019.

BOS cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ chứng khoán cho các nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các Quý, tổ chức hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng....

Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của BOS chính là khả năng cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện và hiệu quả.

Chúng tôi luôn coi lợi ích của khách hàng là những giá trị cốt lõi mà chúng tôi không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu. Những giá trị này được phản ánh thông qua những nguyên tắc thiết yếu trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi: Chính trực, hướng đến sự hoàn hảo, luôn đổi mới và hợp tác.

Với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, ngoài việc không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất để hỗ trợ cho quá trình phát triển, chúng tôi luôn đặt mục tiêu thu hút và tạo dựng được đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư. Chúng tôi tự hào đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ nhân viên tài năng và giàu kinh nghiệm.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2008 - 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 85/UBCK-GP của UBCKNN ngày 03/03/2008.

Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; được các Sở GDCK Hà Nội và TP HCM chấp thuận là thành viên giao dịch.

2011 -2012

Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (FLCS).

Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1129/QĐ-UB-CK.

2013 - 2015

Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

Hoàn thành đầu tư và vận hành hệ thống giao dịch mới đảm bảo cung cấp các tiện ích giao dịch an toàn, hiện đại tới khách hàng.

Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và hoàn thiện nhân sự, quy trình nghiệp vụ.

2017

Top 10 thị phần môi giới Sở GDCK TP Hồ Chí Minh.

Đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM ngày 02/08/2017.

Tăng vốn điều lệ lên 310,5 tỷ đồng để thực hiện nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành.

2018

Chính thức niêm yết trên sàn GDCK Hà Nội (HNX) khởi đầu cho hành trình mới.

Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên hơn 969 tỷ đồng để phục vụ cho bước phát triển đột phá.

2019 - 2020

Đổi tên thành Công ty Cổ Phần Chứng Khoán BOS vào tháng 7 năm 2019.

Hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành hệ thống giao dịch mới đảm bảo cung cấp các tiện ích giao dịch an toàn, hiện đại, đa nền tảng tới khách hàng.

Chính thức đưa hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh đi vào hoạt động

Top 10 thị phần môi giới Sở GDCK Thành Phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY 969.225.090.000 VNĐ	SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 96.922.509 cổ phiếu	SỐ CỔ PHIẾU LƯU HÀNH 96.922.509 cổ phiếu
--	--	---

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	-	-			
2	Cổ đông sáng lập	-	-			
3	Cổ đông lớn (Sở hữu 5% cp trở lên)	-	-			
4	Công đoàn công ty	-	-			
5	Cổ phiếu quỹ	-	-			
6	Cổ đông khác	96.922.509	100%	3.852	15	3.837
	Tổng cộng	96.922.509	100%	3.852	15	3.837
	Trong Đó					
	- Trong nước	92.125.311	95,05%	3.755	11	3.842
	- Nước Ngoài	4.797.198	4,95%	97	4	93



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

HỌ VÀ TÊN/ CHỨC DANH ĐẦU KỲ	HỌ VÀ TÊN/ CHỨC DANH CUỐI KỲ
1. Trưởng ban Kiểm soát Ông Lê Đức Linh (Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2020)	1. Trưởng ban Kiểm soát Bà Trịnh Thùy Linh (Trưởng BKS từ ngày 01/06/2020)
2. Trưởng ban Kiểm soát Bà Trịnh Thùy Linh (Miễn nhiệm từ ngày 14/09/2020)	2. Trưởng ban Kiểm soát Bà Vũ Thị Hương (Trưởng BKS từ ngày 30/9/2020)
3. Thành viên BKS Ông Nguyễn Đăng Vượng	3. Thành viên BKS Ông Nguyễn Đăng Vượng
4. Thành viên BKS Ông Phạm Anh Dũng	4. Thành viên BKS Ông Phạm Anh Dũng

Danh sách Ban kiểm soát thay đổi ngày 30/09/2020.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	CHỨC VỤ/QUAN HỆ	SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CUỐI KỲ
1	Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch HĐQT	500.000	0,51%
	Người có liên quan		0	0%
2	Chu Tiến Vượng	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
3	Lê Bá Nguyên	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
4	Nguyễn Quỳnh Nga	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
5	Trịnh Thị Thúy Nga	TV HĐQT	0	0%
	Trịnh Văn Quyết	Anh trai	3.156.000	3,2%
6	Vũ Thị Hương	Trưởng BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
7	Nguyễn Đăng Vụ	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
8	Phạm Anh Dũng	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
9	Nguyễn Chí Cương	Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
10	Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
11	Trần Thị Lan	Phụ trách Kế toán	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
12	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Người được ủy quyền CBTT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%

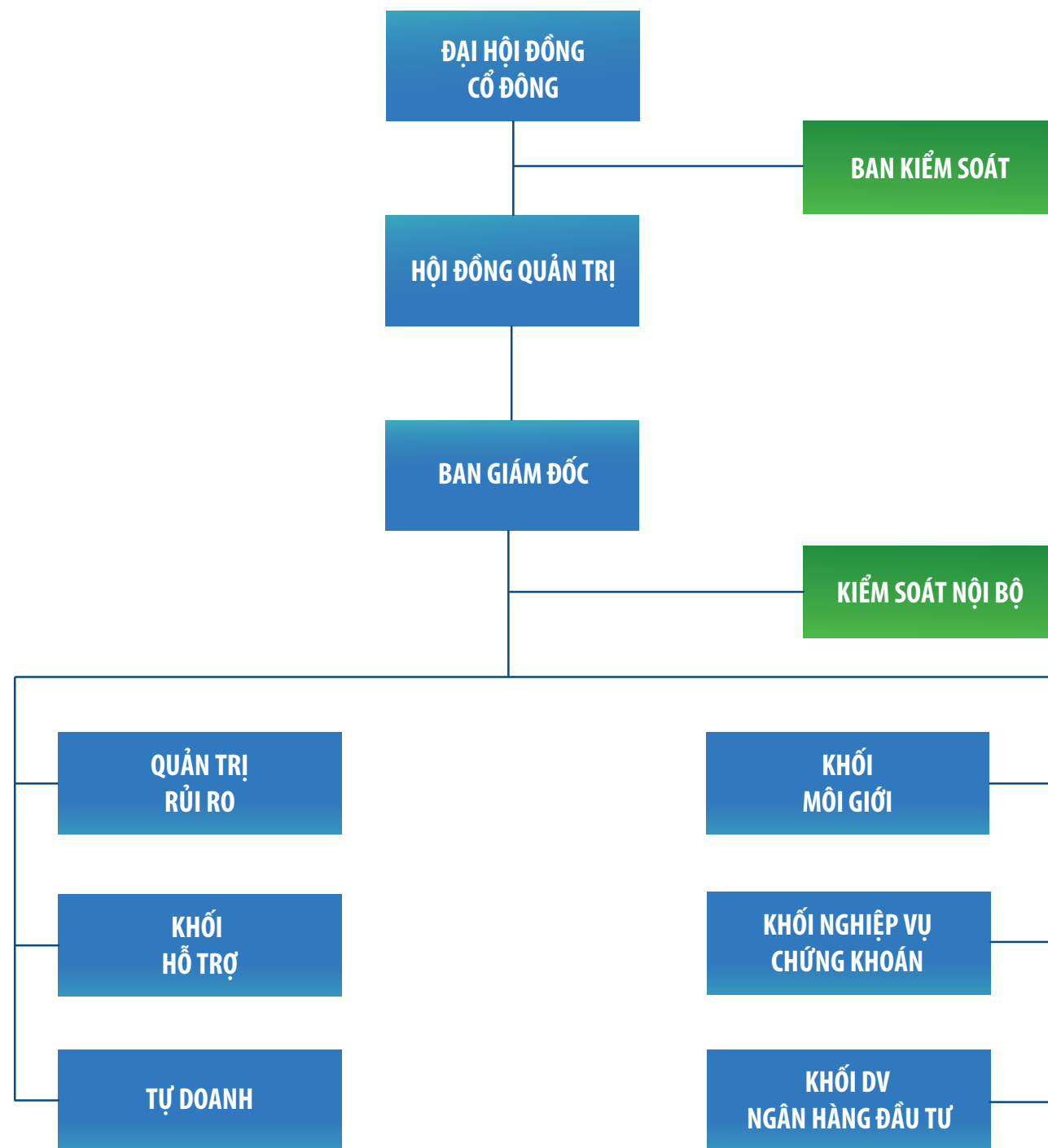
Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Năm 2020 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Các giao dịch khác: Không có

Các vấn đề khác cần lưu ý: Không có

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam, ngoài việc không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất để hỗ trợ cho sự phát triển, chúng tôi luôn đặt mục tiêu thu hút và tạo dựng được đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư. Chúng tôi tự hào đã bước đầu xây dựng được một đội ngũ nhân viên tài năng và giàu kinh nghiệm.

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ

CBNV được hưởng đầy đủ chế độ BHXH, BHYT và các chế độ phúc lợi khác theo quy định pháp luật:

- CBNV được hưởng gói bảo hiểm sửa khỏe đối với các vị trí làm tại công ty từ 3 năm và cấp phó phòng trở lên;
- CBNV được hưởng các chính sách ưu đãi tại các quần thể nghỉ dưỡng 5*, vé máy bay và các quyền lợi khác;
- CBNV được tham gia các hoạt động nghỉ mát, các sự kiện, team building của Công ty;
- Môi trường Công ty làm việc văn minh, chuyên nghiệp.



SẢN PHẨM DỊCH VỤ

1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp được coi là dịch vụ mang tính chiến lược trong định hướng phát triển của BOS. Công ty cổ phần chứng khoán BOS ý thức được vị trí, vai trò của mình và tự hào có đội ngũ cán bộ tư vấn giàu kinh nghiệm, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới và trong nước. BOS tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp đạt được mục tiêu của mình thông qua việc cung cấp các giải pháp mang tính thực tiễn cao, điều chỉnh cho phù hợp với từng doanh nghiệp cũng như nhận dạng và theo đuổi các cơ hội kinh doanh trong nước và quốc tế. Đến với BOS, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ tư vấn đa dạng với chất lượng nổi trội.



TƯ VẤN PHÁT HÀNH, BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Với đội ngũ các chuyên gia tư vấn am hiểu về tài chính doanh nghiệp và thị trường chứng khoán, BOS sẽ giúp doanh nghiệp thực hiện thành công việc phát hành chứng khoán để huy động vốn với chi phí thấp nhất và đạt hiệu quả cao nhất thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Tư vấn lựa chọn công cụ tài chính, thời điểm và phương thức phát hành phù hợp;
- Lập kế hoạch phát hành, bán đấu giá cổ phần;
- Hỗ trợ lập hồ sơ phát hành, bán đấu giá cổ phần;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng;
- Tư vấn, hỗ trợ thực hiện việc chào bán chứng khoán.



TƯ VẤN NIÊM YẾT

BOS sẽ hỗ trợ khách hàng nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý đăng ký niêm yết chứng khoán. Đặc biệt hơn, BOS còn tư vấn, hỗ trợ khách hàng sau niêm yết các biện pháp bình ổn và tăng giá trị cổ phiếu, mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, tạo niềm tin vững chắc của nhà đầu tư đối với các chứng khoán của khách hàng. Các dịch vụ BOS cung cấp bao gồm:

- Tư vấn lập hồ sơ niêm yết;
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục niêm yết;
- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng quy trình quản lý, công bố thông tin;
- Tư vấn, hỗ trợ sau niêm yết.



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Khi cung cấp dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, BOS giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua toàn bộ giá trị chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết. Trong trường hợp cam kết chắc chắn khi thực hiện bảo lãnh phát hành, với uy tín và vị thế trên thị trường, BOS sẽ đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của mỗi đợt phát hành, trong đó khách hàng đảm bảo nhận được toàn bộ số tiền phát hành chứng khoán tại một mức giá bảo lãnh do BOS cam kết trước vào ngày chính thức phát hành.

Các sản phẩm bảo lãnh phát hành chứng khoán tại BOS gồm:

- Bảo lãnh phát hành cổ phiếu;
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu.

1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



TƯ VẤN GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nhận thức được tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp, BOS đưa ra dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp về mặt quản trị với kinh nghiệm đã được kiểm chứng, bao gồm:

- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp;
- Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Xây dựng các quy chế điều chỉnh hoạt động của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát;
- Xây dựng và hỗ trợ doanh nghiệp trong việc công bố thông tin đại chúng theo luật định;
- Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông.



TƯ VẤN MUA BÁN, SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

Hoạt động mua bán sáp nhập là công cụ rất phổ biến của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm mục đích thực hiện chiến lược mở rộng và phát triển. BOS thực hiện vai trò là cầu nối, xúc tác cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua những đánh giá, phân tích, giảm thiểu những chi phí không cần thiết, định ra mức giá mua, bán hợp lý và phương thức phù hợp với tình hình của doanh nghiệp. Với bề dày nhiều năm kinh nghiệm, đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính chuyên nghiệp và am hiểu thị trường, BOS mang lại cho khách hàng những chiến lược M&A phù hợp và hiệu quả nhất.



TƯ VẤN TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc tài chính có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của mọi doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp muốn chuyển đổi loại hình hoạt động của công ty hoặc mở rộng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh và mạnh của công ty. Trên cơ sở phân tích và đánh giá hiện trạng tình hình tài chính doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức công ty, BOS sẽ tiến hành lập kế hoạch và phương án tái cấu trúc doanh nghiệp một cách hợp lý, góp phần giúp cho tình hình tài chính của doanh nghiệp được minh bạch, phù hợp với thông lệ và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, và tối ưu nhất cho mô hình hoạt động của doanh nghiệp.



TƯ VẤN CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia tư vấn về tài chính, tư vấn luật có nhiều kinh nghiệm BOS sẽ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp, cụ thể:

- Tư vấn cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước;
- Tư vấn chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần;
- Tư vấn chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại;
- Tư vấn hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp;
- Tư vấn thoái vốn.



ĐẠI LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

Song song với dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, BOS còn cung cấp thêm dịch vụ Đại lý Phát hành cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ, tạo sự đa dạng, giúp khách hàng có thể chọn lựa các hình thức dịch vụ phù hợp. BOS cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành và niêm yết trái phiếu doanh nghiệp; Bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp.



2. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

BOS cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ để giúp họ đạt được các mục tiêu lợi nhuận. Với một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, trung thực, am hiểu thị trường, ngành nghề và xu hướng thị trường để khách hàng có những quyết định tốt nhất phù hợp với mục tiêu và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng.



MÔI GIỚI

Với hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, BOS tự hào mang đến cho khách hàng dịch vụ môi giới chứng khoán chuyên nghiệp với mức phí cạnh tranh, linh hoạt và phong phú với từng đối tượng khách hàng.

- Môi giới giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ;
- Môi giới Trái phiếu;
- Môi giới các sản phẩm tài chính khác.

Ứng trước tiền bán tự động: là dịch vụ tự động cộng số dư tiền bán chờ về vào sức mua và sẽ tự động phát vay khi lệnh mua khớp.



LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

BOS cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm: Ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ.



TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Nhằm hỗ trợ khách hàng trong hoạt động đầu tư, BOS với đội ngũ chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán đã cung cấp tới khách hàng dịch vụ tư vấn đầu tư bao gồm:

- Tư vấn xây dựng danh mục đầu tư, tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với từng khách hàng về kỳ hạn, tỷ trọng, lợi nhuận kỳ vọng và mức độ chịu đựng rủi ro;
- Tư vấn sàng lọc lựa chọn cổ phiếu trong từng thời kỳ;
- Tư vấn chiến lược và chiến thuật mua/bán các cổ phiếu niêm yết giúp khách hàng tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro thông qua các hình thức tư vấn trực tiếp trên sàn, tư vấn thông qua email/điện thoại/phần mềm trực tuyến...;
- Tư vấn thông qua hệ thống các báo cáo, nhận định về thị trường chứng khoán hàng ngày/hàng tuần/hàng tháng; báo cáo phân tích cổ phiếu; báo cáo ngành; báo cáo tổng hợp. Cập nhật và phân tích các thông tin về kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp;
- Tổ chức các buổi hội thảo, thuyết trình về thị trường chứng khoán và các cơ hội đầu tư trên thị trường.

3. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Với nguồn lực tài chính ổn định, BOS cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng và linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng và nhu cầu khách hàng. Các dịch vụ tài chính của BOS bao gồm:

Giao dịch ký quỹ: là công cụ sử dụng đòn bẩy trong hoạt động đầu tư chứng khoán giúp khách hàng có thể sử dụng phần vốn vay để mua chứng khoán nhiều hơn vốn ban đầu của mình.

Ứng trước tiền bán: là dịch vụ cho phép khách hàng sử dụng trước tiền bán chứng khoán khi chưa đến ngày tiền về.

4. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Với phương châm luôn cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nhằm đem đến sự hài lòng và hiệu quả đầu tư tốt nhất cho khách hàng, sản phẩm chứng khoán phái sinh của BOS bao gồm:

Môi giới chứng khoán Phái sinh

Chứng khoán phái sinh là một thị trường mới có nhiều điểm khác biệt so với thị trường cơ sở, nên việc có sự trợ giúp của nhân viên môi giới chuyên nghiệp của BOS sẽ mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng như:

- Tư vấn và hướng dẫn các sản phẩm dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Thường xuyên nhận được những lời khuyên về đầu tư với góc nhìn của nhà môi giới chuyên viên và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hợp đồng tương lai chỉ số VN30;
- Được hỗ trợ đặt lệnh mở/đóng vị thế và các giao dịch liên quan khác như: nộp/rút/chuyển khoản.



An aerial photograph of a city skyline at sunset. The sky is a mix of orange, red, and purple. A prominent skyscraper stands out in the center, with the sun setting behind it. The city is densely packed with buildings, and a large body of water is visible in the foreground. A highway with multiple lanes runs through the city.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

I. Kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam 2020

1. Kinh tế Việt Nam 2020

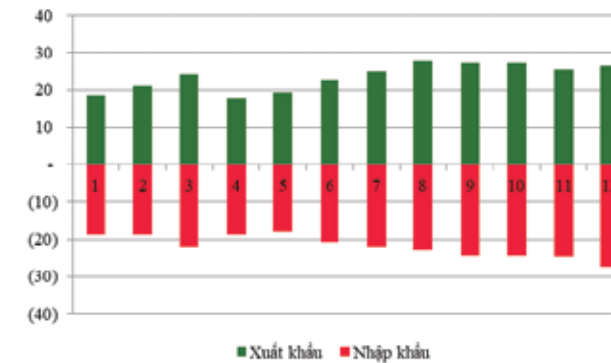
Năm 2020, kinh tế toàn cầu đối mặt với thách thức lớn nhất kể từ đầu thế kỷ 21 “Đại dịch Covid-19”. Để đánh giá tác động của Covid-19 tới kinh tế toàn cầu, nhiều tổ chức lớn trên thế giới đã gọi tác động của đại dịch là “Đại phong tỏa”. Điều này chỉ ra một thực tế là đại dịch khiến giao thương toàn cầu đình trệ và lâm vào khủng hoảng. Hàng loạt các nền kinh tế lớn trên thế giới đã rơi vào trạng thái tăng trưởng âm trong năm 2020. Kinh tế toàn cầu suy giảm khoảng 4,3% trong năm 2020 theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), trong đó các nền kinh tế phát triển đều không có nhiều kết quả tích cực như Mỹ giảm 3,5%, Liên minh Châu Âu (EU) giảm 6,2%, Nhật Bản giảm 4,8%,....

Dù gặp nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam năm 2020 nổi lên như một điểm sáng trong khu vực và thế giới. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, chỉ có 17 nền kinh tế trên toàn cầu đạt mức tăng trưởng dương trong năm 2020, trong đó Việt Nam đứng thứ 5. Với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 đạt 2,9%, Việt Nam trở thành quốc gia tăng trưởng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 3 ở khu vực Châu Á. Thành công của Việt Nam đến từ nỗ lực ngăn chặn Covid-19 mạnh mẽ và nhanh chóng đưa nền kinh tế vào trạng thái “bình thường mới”. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, những điểm sáng về xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và sự phục hồi của tiêu dùng nội địa cùng khả năng kiểm soát lạm phát tốt và đẩy mạnh giải ngân đầu tư công đã giúp Việt Nam có một năm 2020 có thể nói là “THÀNH CÔNG” trong đại dịch. Tỷ lệ lạm phát cơ bản bình quân của Việt Nam năm 2020 chỉ ở mức 2,31%, thấp hơn mục tiêu 4% của Quốc Hội đưa ra bất chấp việc giá thịt lợn có giai đoạn tăng mạnh dưới ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi.

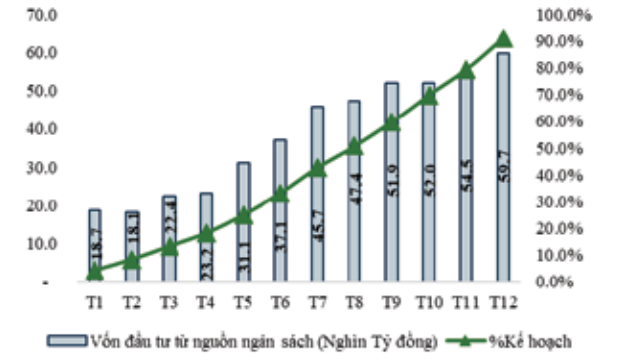


Tính chung cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị xuất khẩu vào thị trường này đạt 76,4 tỷ USD và cũng là thị trường tăng trưởng mạnh nhất với 24,5%yoy. Đáng chú ý, năm 2020 cũng ghi nhận nỗ lực mở cửa nền kinh tế của Việt Nam khi hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết và có hiệu lực từ năm 2020, nổi bật như EVFTA, CPTPP (TPP+11), RCEP được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất nhập khẩu của Việt Nam trong các năm tới.

Giá trị xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2020 (Tỷ USD)



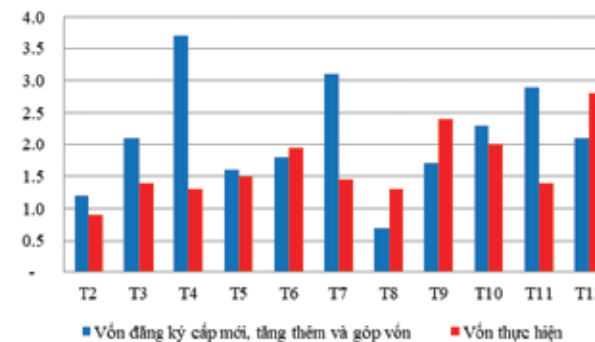
Vốn đầu tư từ NSNN năm 2020 (Nghìn Tỷ đồng)



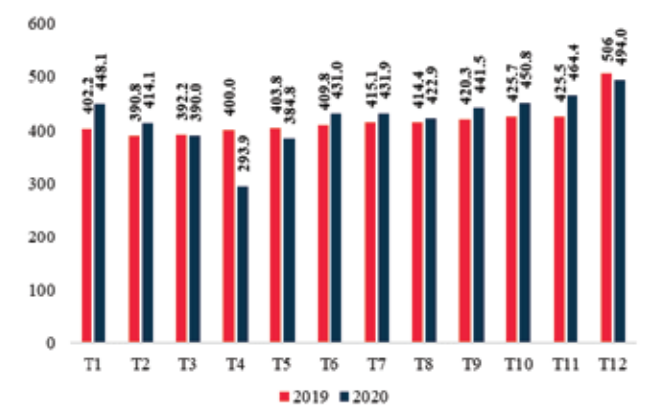
Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2020 đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP (quý IV/2020 đạt 719,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước). Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2020. Dưới ảnh hưởng của Covid-19, Chính Phủ đã ban hành hàng loạt các giải pháp thúc đẩy đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) để hỗ trợ nền kinh tế, có thể kể đến Chỉ thị số 11 và Nghị quyết số 84. Điều này đã khiến tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tăng nhanh kể từ khi nền kinh tế chuyển sang giai đoạn “bình thường mới”. Các dự án đầu tư công nổi bật có thể kể đến những dự án thành phần trong Dự án đường cao tốc Bắc – Nam với tổng chiều dài 1.811 km như Mai Sơn – QL45, Phan Thiết – Dầu Giây, Vĩnh Hào – Phan Thiết, sân bay Long Thành, cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ,....

Vốn đầu tư thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài (ĐTNN) trong năm 2020 đạt gần 20 tỷ USD, tuy giảm so với năm 2019, song mức độ giảm đã được cải thiện (chỉ giảm 2% so với năm 2019). Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Trong đó có 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước.

Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam năm 2020 (Tỷ USD)



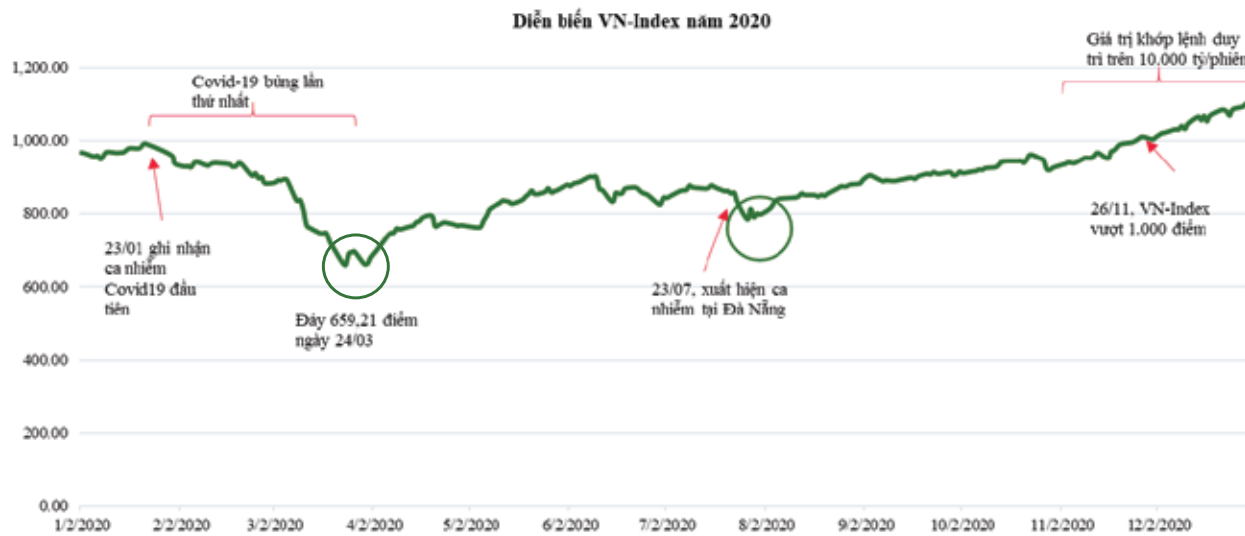
Tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng tháng (Nghìn tỷ đồng)



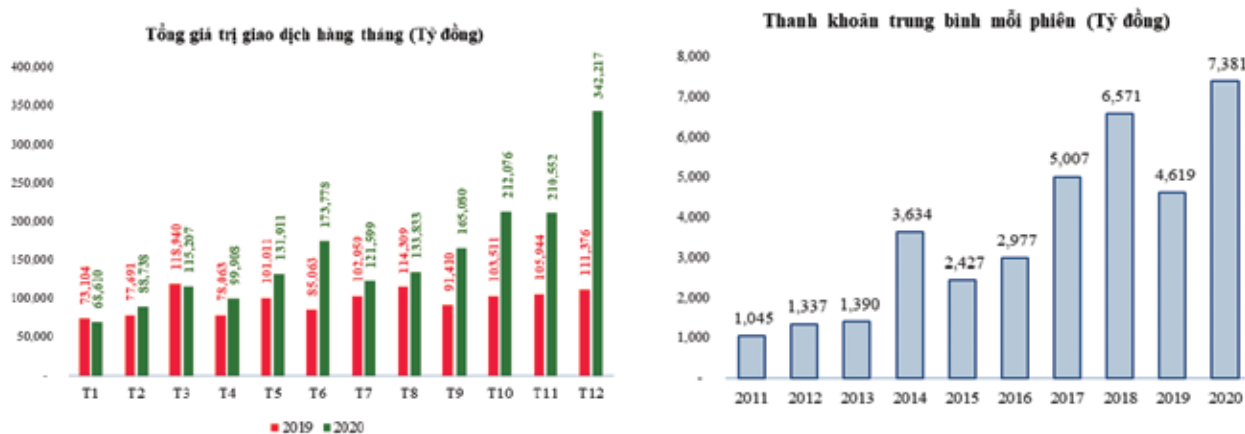
Sau khi Covid-19 bùng phát lần 1 tại Việt Nam vào tháng 3/2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng tháng đã có sự sụt giảm mạnh trong tháng 4 dưới ảnh hưởng của lệnh giãn cách xã hội. Tuy nhiên, việc nhanh chóng dập dịch và chuyển sang giai đoạn bình thường mới đã giúp tổng mức bán lẻ hàng hóa nhanh chóng hồi phục.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam 2020

Những tháng đầu năm 2020, TTCK Việt Nam đã chứng kiến những đợt giảm điểm mạnh. VN-Index đã sụt giảm 33,51% xuống 659,21 điểm - mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua khi Covid-19 bùng phát trong nước trong tháng 1. Việc kiểm soát dịch thành công trong hai lần bùng phát dịch đã giúp thị trường tăng trưởng ngoạn mục từ quý 2 đến cuối năm 2020. VN-Index chính thức vượt mốc 1.000 điểm ngày 26/11. Kết thúc năm 2020, VN-Index ghi nhận mức tăng 67,45% so với đáy, 14,87% so với đầu năm - mức tăng trưởng ấn tượng hơn nhiều so với con số 7,67% trong năm 2019.

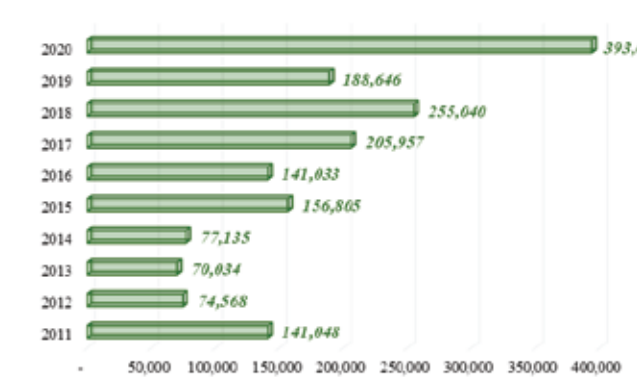


Thanh khoản thị trường tăng mạnh lên mức cao kỷ lục. Tổng khối lượng giao dịch trung bình cả năm đạt 429,4 triệu cổ phiếu/phiên trên cả 3 sàn HoSE, HNX và UpCom, tương ứng giá trị trung bình 7.381 tỷ đồng/phiên. So với năm 2019, thanh khoản trung bình phiên tăng 89,1% về khối lượng và 58,6% về giá trị. Đáng chú ý, tháng 12 là tháng có mức thanh khoản cao nhất trong năm với tổng giá trị giao dịch trên cả 3 sàn trong tháng đạt 342.217 tỷ đồng, tương ứng trung bình 14.798 tỷ đồng giá trị giao dịch/phiên. So với tháng 12/2019, thanh khoản trung bình phiên toàn thị trường tăng 173,3% về khối lượng và 192,3% về giá trị.

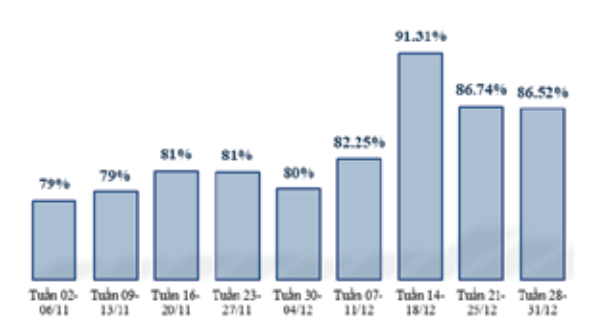


Không chỉ bùng nổ về thanh khoản, sự xuất hiện của nhà đầu tư mới (nhà đầu tư F0) cũng là một điểm nhấn đáng chú ý của thị trường trong năm 2020. Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), năm 2020, nhà đầu tư trong nước mở mới 393.659 tài khoản, con số kỷ lục từ trước tới nay và tăng 109% so với năm trước. Số lượng tài khoản đã tăng 1,7 triệu tài khoản từ năm 2010 tới hết năm 2020. Dòng tiền mới từ nhà đầu tư F0 đã giúp thị trường giao dịch hưng phấn hơn. Giao dịch của nhà đầu tư cá nhân chiếm tỷ trọng lớn khi chiếm hơn 80% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Điều này cho thấy rõ nhà đầu tư cá nhân đang quyết định xu hướng thị trường.

Số lượng tài khoản chứng khoán trong nước mở mới

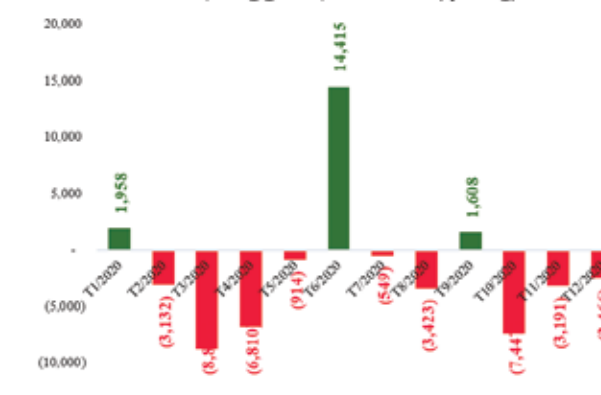


Tỷ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân các tuần cuối năm 2020

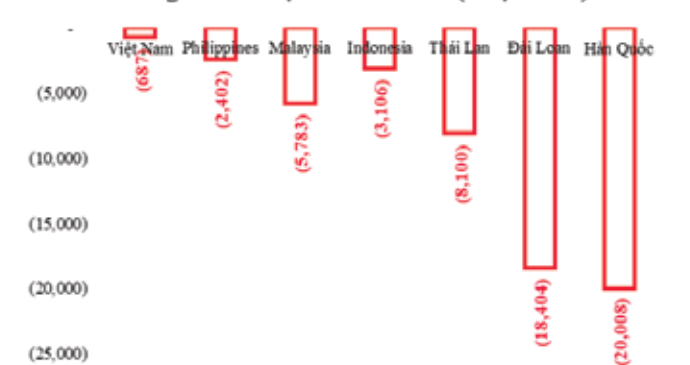


Giao dịch khối ngoại là điểm trừ trong năm 2020 khi khối này bán ròng hơn 18 nghìn tỷ đồng, bất chấp những đánh giá lạc quan và tích cực về thị trường Việt Nam. Nguyên nhân được cho là do các quỹ cận biên Frontier Markets và Emerging Markets giảm quy mô danh mục do bị rút vốn để hướng dòng vốn đến các thị trường Developed Markets (thị trường phát triển). Dù vậy, lực bán ròng của NĐTNN trên thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn thấp hơn so với các thị trường trong khu vực. Theo đó, thị trường Thái Lan bị bán ròng hơn 8,1 tỷ USD năm nay, theo sau là Philippines (2,4 tỷ USD), Indonesia (3,1 tỷ USD), Malaysia (5,8 tỷ USD). Thậm chí, thị trường chứng khoán Hàn Quốc còn bị rút ròng hơn 20 tỷ USD.

Giá trị ròng giao dịch NĐTNN (tỷ đồng)



Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN tại các thị trường mới nổi/cận biên Châu Á (Triệu USD)



Một số điểm nhấn nổi bật của thị trường năm 2020:

- Dấu ấn 20 năm của Thị trường chứng khoán Việt Nam: Năm 2020, TTCK Việt Nam ghi dấu mốc lịch sử khi tròn 20 năm mở cửa hoạt động. Khai trương thị trường ngày 20-7-2000 chỉ với 2 loại cổ phiếu, 6 công ty chứng khoán và vài nghìn nhà đầu tư. Sau 20 năm, Việt Nam có TTCK quy mô vốn hóa gần 200 tỷ USD, gần 30 doanh nghiệp niêm yết có vốn hóa trên 1 tỷ USD, với đầy đủ các cấu phần thị trường và các sản phẩm đầu tư đa dạng, thu hút trên 2,7 triệu nhà đầu tư mở tài khoản. Tổng giá trị huy động thông qua phát hành thêm trên thị trường cổ phiếu kể từ năm 2000 đến nay ước đạt hơn 295.000 tỷ đồng với 834 đợt phát hành. Trong đó, giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế 2010-2015 huy động tăng hơn 5 lần so với giai đoạn 2004-2009.

- Bùng nổ dòng vốn ETF nội: Năm 2020 chứng kiến sự ra đời của hàng loạt quỹ dạng này như các quỹ ETF MAFM VN30; ETF SSIAM VN30; ETF SSIAM VNFN LEAD; ETF VFMVN DIAMOND; ETF VINACAPITAL VN100. Các quỹ ETF nội mới ra đời nhưng đã nhanh chóng thu hút được hàng ngàn tỷ đồng. Đơn cử quỹ ETF VFMVN Diamond khi mới IPO hồi tháng 5-2020 với hơn 100 tỷ đồng thì đến cuối năm, quy mô quỹ đã đạt hơn 4.000 tỷ đồng. Các quỹ đầu tư nước ngoài như PYN Elite Fund hay CTBC Vietnam Equity Fund cũng rót vốn vào các quỹ ETF nội.

- Chứng khoán Việt Nam vươn lên thị phần số 1 trong nhóm thị trường cận biên của MSCI: Từ đầu tháng 12-2020, TTCK Việt Nam chính thức trở thành thị trường có tỷ trọng lớn nhất trong rổ các thị trường cận biên (Frontier Markets) theo hệ thống phân loại của MSCI. Có được điều này là do thị trường Kuwait được nâng hạng lên nhóm “mới nổi”. Theo lộ trình tăng tỷ trọng, thị trường Việt Nam cuối năm 2020 đạt 15,76%, lớn nhất trong nhóm các thị trường cận biên của MSCI. Đến hết năm 2021, tỷ trọng của thị trường Việt Nam sẽ đạt 28,76%.

- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục có thêm một năm “bùng nổ”: Theo số liệu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), các tổ chức đã huy động gần 403.469 tỷ đồng trên thị trường nội địa và 345 triệu USD trên thị trường quốc tế. Với số liệu này, giá trị trái phiếu đã huy động thành công cao hơn năm 2019 đến 36%, tỷ lệ huy động thành công/lượng chào bán đạt 69,1%, cao hơn năm 2019 (đạt 67%).

- Thị trường phái sinh tăng trưởng kỷ lục: Trong cả năm 2020, tổng hợp đồng tương lai chỉ số VN30 đạt 39.914.205 hợp đồng, tăng 79,91% so với năm 2019, khối lượng giao dịch bình quân phiên đạt 158.390 hợp đồng, tăng 78,49% so với năm 2019. Trong đó, phiên có khối lượng giao dịch cao nhất là ngày 29/07/2020 với 356.033 hợp đồng. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh vẫn tiếp tục tăng lên. Tại thời điểm cuối tháng 12, số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt 173.395 tài khoản, tăng 7,09% so với tháng trước và tăng 88% so với cuối năm 2019.

- Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán: Trên nền tảng Luật Chứng khoán 2019 đã được Quốc hội thông qua, trong năm 2020, cơ quan quản lý đã khẩn trương hoàn thiện một văn bản hướng dẫn luật để kịp thời thực thi từ ngày 1-1-2021. Cùng với các luật mới là Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, hệ thống văn bản pháp lý về chứng khoán kỳ vọng sẽ góp phần cải thiện chất lượng hàng hóa, chất lượng các doanh nghiệp trên TTCK, thu hút vốn đầu tư của nhà đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của các chủ thể tham gia thị trường, tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm cho thị trường hoạt động bền vững, an toàn, chuyên nghiệp, hiện đại.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2021

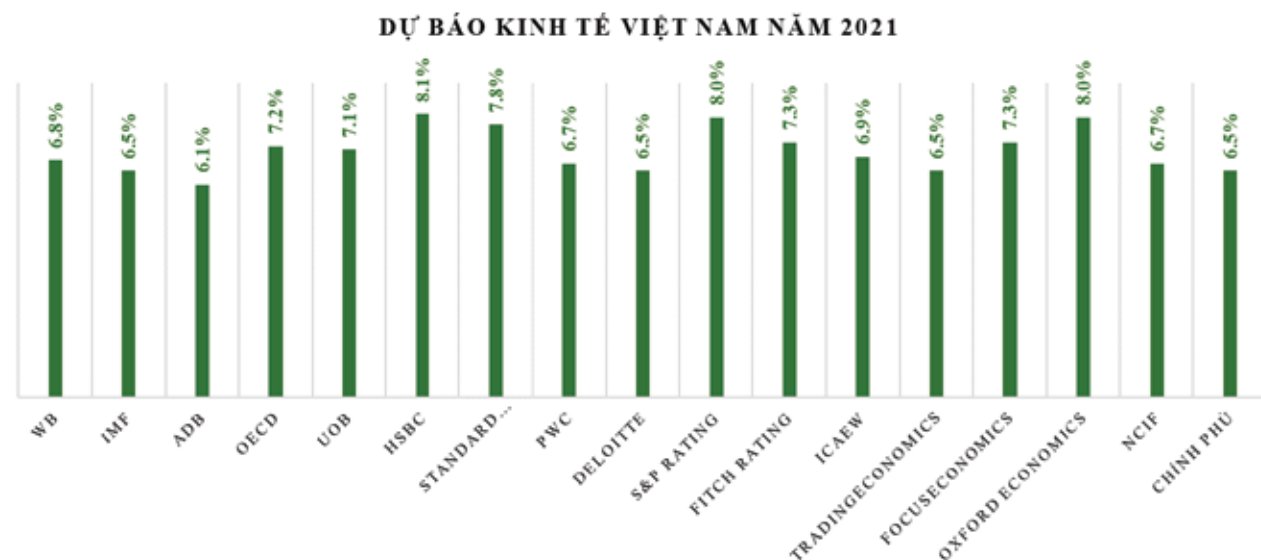


TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM 2021

II. Triển vọng kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán 2021

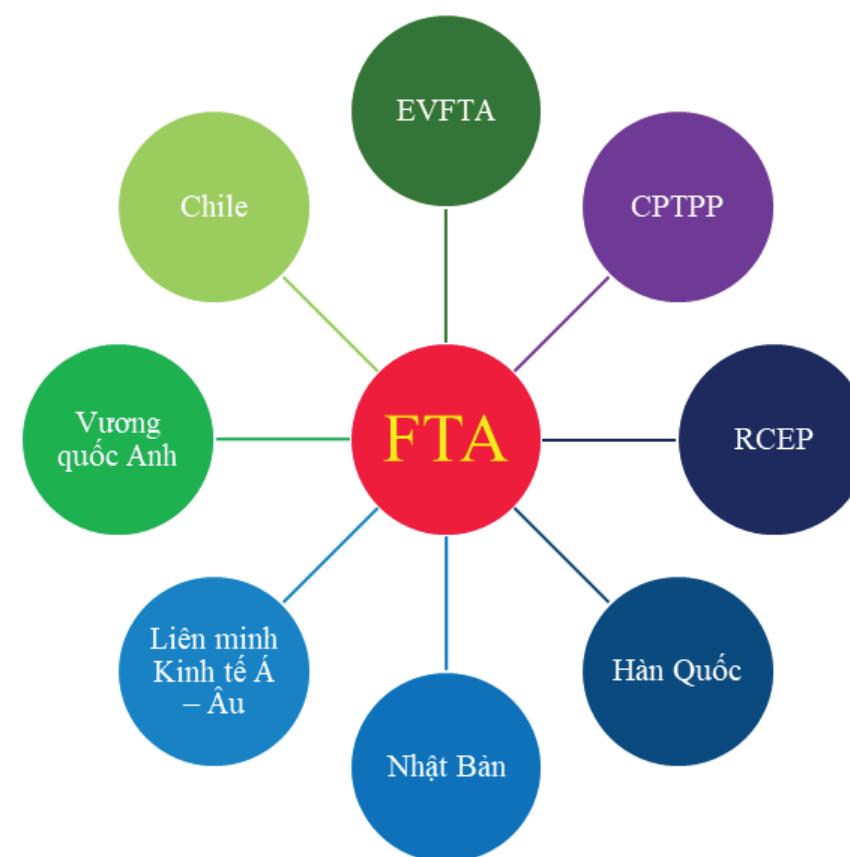
1. Triển vọng kinh tế Việt Nam 2021

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn nhiều diễn biến phức tạp, với những thành công đã đạt được trong năm 2020 và công tác chống dịch luôn được đảm bảo ở mức cao, nền kinh tế Việt Nam vẫn nhận được những dự báo tích cực từ hầu hết các tổ chức quốc tế lớn như World Bank, IMF, ADB, OECD,...



Những điểm tựa tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong năm 2021:

- Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do: Sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu sau Covid-19 và các hiệp định FTA đi sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh được kỳ vọng sẽ là một trong những động lực chính hỗ trợ nền kinh tế Việt Nam năm 2021. Nổi bật trong nhóm các FTA thế hệ mới của Việt Nam bao gồm Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP). Trong đó, EVFTA là hiệp định giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU có mức độ cam kết cao nhất từ trước tới nay. CPTPP sẽ tạo ra một khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới với quy mô thị trường với tổng giá trị GDP khoảng 10.567 tỷ USD, chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu. RCEP tạo nên một thị trường lớn với quy mô 2,2 tỉ người tiêu dùng, chiếm khoảng 30% dân số thế giới, với GDP xấp xỉ 26,2 nghìn tỉ USD, chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu và sẽ trở thành khu vực thương mại tự do lớn nhất trên thế giới.



- Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh: Theo phương án phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021, tổng số vốn đầu tư từ nguồn NSNN năm 2021 là 477.300 tỷ đồng, tăng 1,4% so với kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020. Trong đó, 15.038 tỷ đồng cho Dự án Cao tốc Bắc - Nam; 4.660 tỷ đồng cho Dự án Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành để bổ sung đủ số vốn còn thiếu; 2.804 tỷ đồng cho các dự án đường ven biển; 4.707 tỷ đồng hỗ trợ các địa phương để chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án khởi công mới trọng điểm, kết nối, có tác động liên vùng. Việc hoàn thiện khung chính sách, nâng cao tính minh bạch và gia tăng trách nhiệm trong đầu tư công được kỳ vọng sẽ nâng cao đóng góp của đầu tư công cho sự phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, yêu cầu phát triển kinh tế cũng thúc đẩy Chính Phủ tăng cường đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng nhằm đón làn sóng đầu tư tăng trưởng mạnh mẽ.

- Tăng trưởng FDI nhờ làn sóng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc: Sản xuất nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn là nhóm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong toàn ngành công nghiệp, tiếp tục tăng với tốc độ cao nhất và là điểm sáng dẫn dắt tăng trưởng của toàn ngành. (Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 11 tăng 11,9% so với cùng kỳ. Tính chung 11 tháng, tăng 4,7% so với cùng kỳ). Đóng góp cho sự hồi phục của ngành chế biến chế tạo đến từ các doanh nghiệp FDI cùng làn sóng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. Hàng loạt các dự án lớn đến từ các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới hướng tới Việt Nam để xây dựng các nhà máy sản xuất, thay thế cho các nhà máy tại Trung Quốc. Một số cái tên nổi bật có thể kể đến Apple, LG, Panasonic, Foxconn, Invectec, Pegatron,....

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2021

Năm 2021 được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một năm tăng trưởng của TTCK về thanh khoản và điểm số, tuy nhiên tốc độ sẽ có phần chậm lại so với năm 2020 do triển vọng kinh tế đã được phản ánh một phần vào chỉ số. Tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2021, cùng với dư địa, tiềm năng phát triển của TTCK, những nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán tiếp tục được đẩy mạnh,...trở thành động lực quan trọng hỗ trợ TTCK năm 2021.

- Nền tảng vĩ mô ổn định thúc đẩy tăng trưởng của thị trường chứng khoán: Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam được dự báo đầy lạc quan với tốc độ tăng trưởng hồi phục nhanh. Kỳ vọng này giúp cho thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì đà tăng tích cực trong năm 2021.

- Chính sách nới lỏng tiền tệ kỳ vọng sẽ thúc đẩy cho đà tăng của thị trường: Ngân hàng nhà nước (NHNN) sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng trong năm 2021. Theo NHNN, dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2021 kế hoạch là 12%, cao hơn mức 9% cả năm 2020. Lãi suất huy động, cho vay sẽ giảm 0,2-0,5 điểm phần trăm trong năm 2021. Điều này sẽ thúc đẩy dòng tiền tiết kiệm chảy sang TTCK.

- Dư địa gia tăng tài khoản chứng khoán còn khá lớn: Số lượng tài khoản NĐT trong nước/dân số Việt Nam hiện chỉ chiếm 2,7%, thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ 11,1% của Trung Quốc, Hàn Quốc hơn 30%, châu Âu hơn 50%, Mỹ gần 60%. Đây là tiền đề cho sự phát triển số lượng người dân tham gia thị trường của Việt Nam. Theo báo cáo Digital 2020 của We are social, số lượng người dùng internet là 68,17 triệu người (chiếm tỷ lệ 70% số dân) tại thời điểm tháng 1/2020. Như vậy, Việt Nam có điều kiện tốt để phổ cập kiến thức về thị trường chứng khoán và gia tăng nhanh số lượng tài khoản giao dịch.

- Triển vọng nâng hạng thúc đẩy sự phát triển của thị trường: Việc tiến gần hơn tới mục tiêu nâng hạng lên nhóm mới nổi được kỳ vọng sẽ giúp chứng khoán Việt Nam tiếp tục thăng hoa trong

năm 2021. Trong kịch bản lạc quan, có khả năng FTSE sẽ công bố Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong kỳ đánh giá tháng 9/2021 và chính thức được nâng hạng từ tháng 3/2022. Bên cạnh đó, MSCI có thể đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng từ kỳ đánh giá tháng 6/2022. Kỳ vọng hiệu ứng gia nhập thị trường mới nổi sẽ tiếp tục là lực đẩy với chỉ số VN-Index trong thời gian tới. Triển vọng này đang thể hiện ngày một rõ rệt khi Luật Chứng khoán đi vào hiệu lực. Luật Chứng khoán 2019 được kỳ vọng sẽ giải quyết các vướng mắc của thị trường Việt Nam với các tiêu chí xem xét của FTSE và MSCI.

Ước tính lượng vốn ngoại đổ vào TTCK Việt Nam khi được nâng hạng

Quỹ	Tỷ trọng Việt Nam	Vốn đổ vào TT Việt Nam (triệu USD)
MSCI Emergin Market Index	0.33%	800
FTSE Emerging Market Index	0.43%	649
Tổng		1,449

- Kỳ vọng sự trở lại của dòng tiền khối ngoại: Lãi suất duy trì ở mức thấp trên phạm vi toàn cầu cùng sự hồi phục nền kinh tế sẽ kích thích dòng vốn ngoại tìm kiếm các thị trường có tiềm năng tăng trưởng tốt. Thị trường chứng khoán Việt Nam với mức tăng trưởng tích cực trong những năm qua là điểm đến lý tưởng đối với các dòng vốn giá rẻ này. Điều này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy dòng vốn ngoại từ các quỹ đầu tư tham gia thị trường. Bên cạnh đó, hàng loạt doanh nghiệp lớn dự kiến lên sàn, tiếp tục thoái vốn nhà nước có thể giúp thị trường thu hút thêm dòng tiền từ nhà đầu tư nước ngoài.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2020 CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020 là một năm khó khăn với các doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Các công ty chứng khoán được hưởng lợi từ sự hồi phục của TTCK và thanh khoản ở mức cao kỷ lục. Tuy nhiên, chỉ có gần một nửa số công ty chứng khoán báo lãi tăng so với 2019, hơn một nửa còn lại báo lãi giảm, thậm chí lỗ. Năm 2020, kết quả kinh doanh của BOS không ghi nhận lỗ nhưng không được như kỳ vọng. Dù vậy, bước đầu BOS đã gặt hái được những thành quả đáng kể từ quá trình đổi mới. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHĐCĐ thường niên và HĐQT giao, cụ thể:

- **Phát triển khối Môi giới theo chiều rộng và chiều sâu:** Sau 2 năm đẩy mạnh mở rộng khối môi giới, doanh thu từ hoạt động môi giới đã có những đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của BOS. Thị phần môi giới của BOS năm 2020 duy trì ở mức xấp xỉ 1% trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán vốn ngoại. Số lượng tài khoản mở mới năm 2020 đạt gần 1.000 tài khoản, nâng tổng số tài khoản khách hàng tại BOS hơn 10.000 tài khoản.

- **Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ:** BOS không ngừng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ để đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất. Các báo cáo phân tích chuyên sâu về thị trường chứng khoán, nền kinh tế, các sự kiện tác động tới thị trường... và hoạt động tư vấn đầu tư đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía khách hàng.

- **Ổn định hoạt động công ty trong bối cảnh áp dụng lệnh cách ly toàn xã hội:** BOS đã triển khai hệ thống làm việc từ xa để đảm bảo hoạt động thông suốt và ổn định khi thực hiện lệnh cách ly toàn xã hội vào tháng 4/2020. Nhờ đó, mặc dù gần 90% lực lượng nhân sự làm việc tại nhà nhưng các hoạt động của công ty vẫn được đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, không để xảy ra sai sót nào trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Kết quả kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	KH 2020	TH 2020
Doanh thu hoạt động	201	152,6
Lợi nhuận trước thuế	87	1,6

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2020 có nhiều biến động, BOS đã ưu tiên hoạt động quản trị rủi ro. Kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt kế hoạch đề ra một phần là do sự cạnh tranh gay gắt về thị phần môi giới, đặc biệt là từ các công ty chứng khoán vốn ngoại có lợi thế về dòng vốn giá rẻ lớn khiến doanh thu từ hoạt động môi giới giảm 64,6% so với năm 2019. Bên cạnh đó, biến động bất lợi của TTCK trong nửa đầu năm 2020 đã ảnh hưởng tiêu cực lên danh mục tự doanh nên BOS đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu hoạt động	234	152,6
Lợi nhuận trước thuế	99	1,6



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mặc dù kết quả kinh doanh giảm so với năm trước nhưng quá trình đổi mới đã đem lại những thay đổi tích cực trong năm 2020, cụ thể:

Hoạt động môi giới

Với nền tảng công nghệ hiện đại và các dịch vụ hỗ trợ đa dạng đi kèm, số lượng tài khoản mở mới tiếp tục tăng lên trong năm 2020. Doanh thu môi giới năm 2020 mặc dù không cao như năm 2019 nhưng đã xây dựng được hệ thống môi giới được đào tạo bài bản về chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm đảm bảo tác phong chuyên nghiệp khi phục vụ khách hàng.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp là một trong những hoạt động trọng tâm trong giai đoạn 2020-2025. Hoạt động tư vấn nghiêm túc, tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ, tư vấn cổ phần hóa... tiếp tục được mở rộng với nhiều khách hàng lớn như CTCP Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ, CTCP Tập đoàn Hưng Đại Nam, CTCP Tập đoàn Tín Thành, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)...

Hoạt động tự doanh và đầu tư

Trong năm, BOS đã tiến hành cơ cấu lại danh mục tự doanh để giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường biến động mạnh. Hiện tại, danh mục tự doanh tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu chưa niêm yết với tiềm năng tăng trưởng tốt trong 1-2 năm tới.

Tư vấn và phân tích đầu tư

Các sản phẩm phân tích phong phú, đa dạng hơn và luôn được chú trọng nâng cao chất lượng nội dung nhằm cung cấp tới khách hàng những đánh giá chuyên sâu, toàn diện, bám sát diễn biến thị trường. Hoạt động tư vấn đầu tư từ đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm tiếp tục được đẩy mạnh, đã tăng sự kết nối giữa BOS và khách hàng.

Dịch vụ chứng khoán

Trên cơ sở luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BOS đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. Các cán bộ nhân viên đều được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ và không ngừng nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

Công nghệ thông tin

Trên nền tảng hệ thống VGAI, BOS đã đem đến cho khách hàng nhiều tiện ích có tính ứng dụng cao trên Web BOS-Trading, BOS-Pro và BOS-Mobi. Giao dịch trực tuyến luôn được đảm bảo tốc độ nhanh, ổn định và chính xác cao. Đặc biệt, trong bối cảnh hầu như cả thị trường đều bị ảnh hưởng giao dịch do lỗi hoặc tắc nghẽn lệnh diễn ra thường xuyên vào nửa cuối năm thì tại BOS hệ thống công nghệ thông tin luôn đảm bảo thông suốt, các khách hàng đều có thể đặt lệnh kịp thời theo đúng quy định, do vậy đảm bảo được quyền lợi của nhà đầu tư khi giao dịch tại BOS.

Quản trị rủi ro

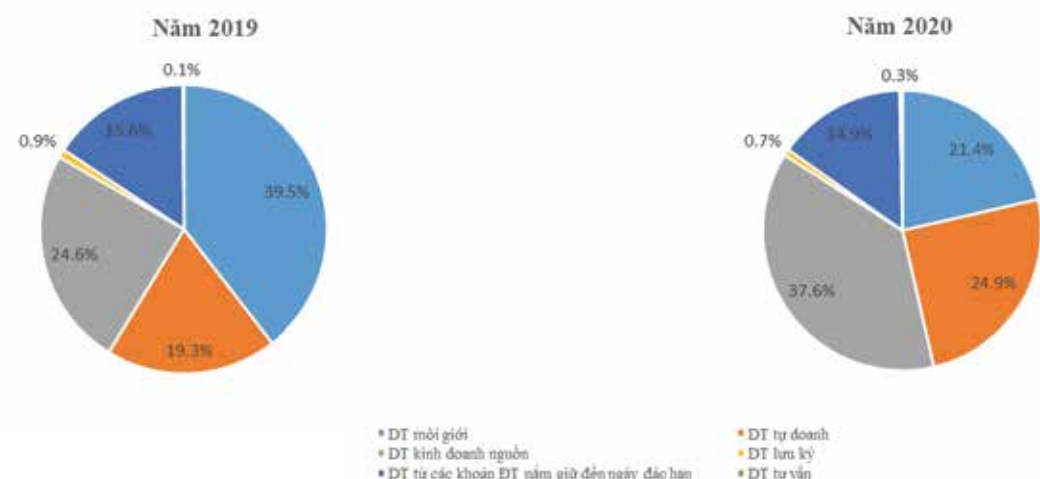
Tăng cường quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường năm 2020 có nhiều biến động đã giúp BOS hạn chế tối đa thiệt hại tài chính cho khách hàng và công ty. Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn được đảm bảo và không để xảy ra sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ.

Nhân sự

BOS luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có tâm với nghề. Các lớp đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng cán bộ quản lý liên tục được mở để bổ sung thêm nhiều kiến thức, kỹ năng mới cho cán bộ nhân viên. Các hoạt động tập thể như teambuilding, nghỉ mát...thường xuyên được tổ chức để tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, tăng tính đoàn kết giữa các thành viên.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu doanh thu theo bộ phận



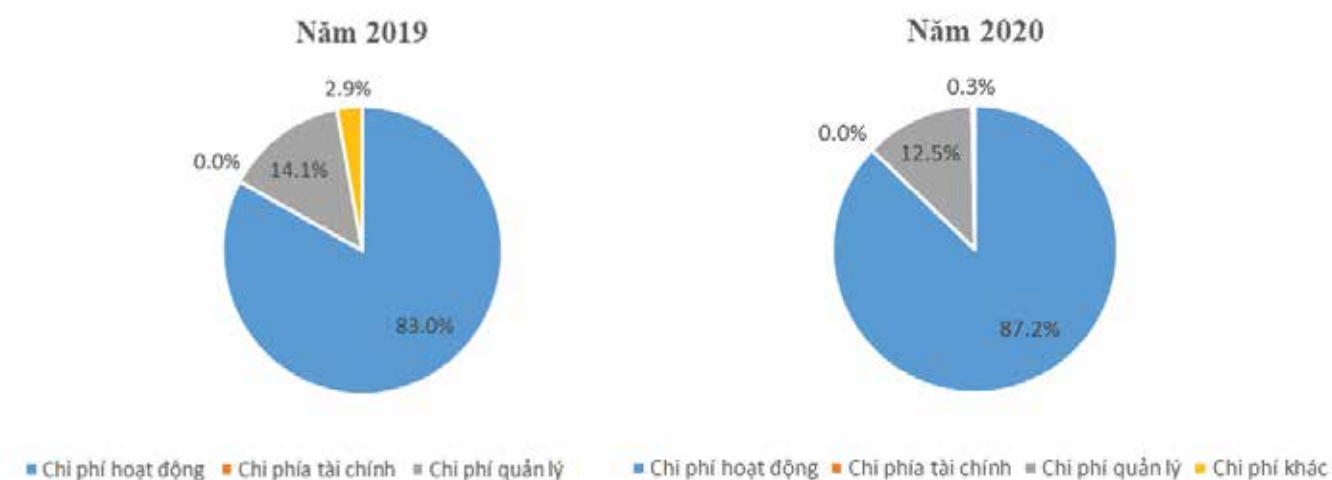
Doanh thu của BOS chủ yếu đến từ ba hoạt động chính là hoạt động môi giới, hoạt động kinh doanh nguồn và hoạt động tự doanh. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn chiếm tỷ trọng cao nhất với tỷ lệ 39,5%. Tỷ trọng doanh thu hoạt động môi giới năm 2020 giảm nhẹ xuống 21,4%. Doanh thu từ hoạt động môi giới giảm so với năm 2019 do sự gia tăng cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành.

Tình hình công nợ, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Tổng nợ/Nguồn vốn	2.96%	1.05%
Khả năng thanh toán ngắn hạn	36.1	89.4
Chỉ tiêu an toàn tài chính	531.39%	438.04%

Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn của BOS ở mức thấp so với trung bình ngành và tiếp tục giảm trong năm 2020. BOS không có các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn. Do vậy, BOS không phát sinh các khoản chi phí lãi vay và luôn chủ động về vốn trong hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu doanh thu theo bộ phận



Chi phí hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của BOS với tỷ lệ 83%, chi phí quản lý chiếm 14%, chi phí khác chiếm 2,9%. Do không có khoản vay nợ nên BOS không phát sinh khoản chi phí tài chính.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Định hướng kinh doanh năm 2021

BOS tiếp tục xây dựng đội ngũ môi giới theo hướng không ngừng nâng cao chất lượng với mục tiêu dài hạn là mở rộng thị phần dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng điểm vào nguồn nhân lực, công nghệ, dịch vụ chất lượng cao và quản trị rủi ro tốt cho khách hàng. Các mục tiêu hoạt động cụ thể của năm 2021 gồm:

Gia tăng thị phần chứng khoán phái sinh

Năm 2020, top 10 CTCK về thị phần chứng khoán phái sinh chiếm 95,62% thị phần. Như vậy, chỉ còn 4,38% thị phần chia cho 10 CTCK thành viên còn lại. Do vậy, cạnh tranh thị phần trên thị trường phái sinh ở các CTCK còn lại diễn ra ngày càng gay gắt. Để gia tăng thị phần trên thị trường phái sinh, BOS sẽ tiếp tục hoàn thiện nhân sự cho bộ phận phái sinh, đảm bảo vận hành ổn định hệ thống công nghệ thông tin, cụ thể:

- Hoàn thiện nhân sự cho bộ phận phái sinh: Tuyển dụng nhân sự môi giới, tư vấn đầu tư phái sinh, kết hợp triển khai các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đa dạng hóa các sản phẩm hỗ trợ đầu tư: Các sản phẩm phân tích thị trường phái sinh, tư vấn đầu tư tiếp tục được đa dạng hóa, cập nhật liên tục và không ngừng nâng cao chất lượng.
- Hạ tầng công nghệ: Đảm bảo vận hành ổn định hệ thống công nghệ thông tin, giao dịch diễn ra thông suốt, tốc độ cao, an toàn và chính xác.



Phát triển khối Môi giới theo chiều sâu

- Mở rộng mạng lưới cộng tác viên môi giới: Nâng cao hiệu quả tuyển dụng, bổ sung thêm cán bộ môi giới và cộng tác viên có chất lượng cao, đi kèm các chính sách đãi ngộ cạnh tranh với mục tiêu nâng tổng số tài khoản của khách hàng lên trên 11.000 tài khoản.
- Phát triển các dịch vụ hỗ trợ: Các dịch vụ hỗ trợ khối môi giới như sản phẩm phân tích, tư vấn đầu tư, cho vay ký quỹ... sẽ tiếp tục được chú trọng phát triển để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, cũng như hỗ trợ khách hàng trong hoạt động đầu tư. Cùng với đó, sự vận hành ổn định của hệ thống công nghệ thông tin sẽ giúp khách hàng có những trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng các dịch vụ trực tuyến tại BOS.
- Quảng bá, chương trình thúc đẩy bán hàng: Đẩy mạnh các chương trình quảng bá, tạo dựng hình ảnh về một doanh nghiệp hoạt động chuyên nghiệp - năng động - trách nhiệm sẽ giúp BOS tiếp cận với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, qua đó mở rộng thị phần môi giới.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư

Trong thời gian tới, nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư tiếp tục là hoạt động kinh doanh chiến lược của BOS. Dịch vụ tư vấn tài chính của BOS hướng tới vị thế nhà tạo lập, định hướng vào các sản phẩm tư vấn cấu trúc tài chính, góp phần mang lại nhiều giá trị cho khách hàng và đối tác. Khách hàng mục tiêu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp Nhà nước đang có kế hoạch thoái vốn, cổ phần hóa trong năm 2021.

Tăng cường quản trị rủi ro

Đảm bảo hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro kịp thời giám sát hoạt động nghiệp vụ; giám sát tỷ lệ an toàn tài chính, đảm bảo hoạt động ổn định và lành mạnh về tài chính. Đồng thời, BOS tiếp tục rà soát thường xuyên các hoạt động kinh doanh để đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

1. Đánh giá tình hình hoạt động công ty năm tài chính 2020

▲ Tổng quan

Đại dịch Covid-19 đã và đang có những tác động to lớn đến mọi mặt nền kinh tế trên toàn thế giới và Việt Nam. Hậu quả của đại dịch COVID 19 là chưa từng có trong lịch sử loài người. Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng trong việc kiểm soát dịch bệnh COVID-19. Nhờ đó, Việt Nam vẫn duy trì và củng cố nền tảng vĩ mô ổn định khi tình hình thế giới và khu vực biến động mạnh. Khi đại dịch Covid -19 bùng phát trên toàn thế giới, TTCK toàn cầu đã sụt giảm nhanh và mạnh, trong đó có nhiều thị trường (Mỹ, Hàn Quốc, Thái Lan, Philipines...) phải kích hoạt cơ chế tạm dừng giao dịch. TTCK Việt Nam cũng chịu nhiều tác động nhưng với các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế kịp thời của Chính phủ, TTCK đã vượt qua giai đoạn khó khăn và phục hồi tích cực. Trong bối cảnh đó, BOS đã đưa ra những thay đổi phù hợp trong cơ chế vận hành theo sự biến động của nền kinh tế và TTCK, cụ thể:

- Triển khai hệ thống làm việc từ xa, đảm bảo vận hành ổn định các hoạt động của công ty trong bối cảnh áp dụng lệnh cách ly toàn xã hội khi dịch Covid-19 bùng phát vào tháng 4/2020.
- Sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm; cải tiến quy trình xử lý nghiệp vụ để rút ngắn thời gian chờ đợi và tạo lòng tin nơi khách hàng.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch.
- Tổ chức thực hiện, chỉ đạo triển khai và hoàn thành các công việc được ĐHCĐ giao.

▲ Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty năm 2020

Về kế hoạch kinh doanh: Năm 2020, kết quả kinh doanh của BOS không đạt được kế hoạch đề ra. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán năm 2020 có nhiều biến động, BOS đã ưu tiên hoạt động quản trị rủi ro. Với những bước đi thận trọng, mặc dù hoạt động kinh doanh năm 2020 ở mức khiêm tốn, nhưng BOS đã không để phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ xấu.

Về công tác quản trị rủi ro: BOS đã tiến hành cơ cấu lại danh mục tự doanh để hạn chế tối thiểu thiệt hại phát sinh. Bên cạnh đó, công tác giám sát chặt chẽ trong quá trình triển khai nghiệp vụ đã giúp BOS không phát sinh các sự cố gây thiệt hại cho khách hàng.

Công tác nhân sự: Trong năm 2020, BOS đã sắp xếp tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn tại chỗ liên tục được mở để bổ sung, cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Nâng cao chất lượng dịch vụ: Chất lượng dịch vụ luôn được BOS chú trọng phát triển để đem đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất. Hệ thống giao dịch trực tuyến ổn định, tốc độ nhanh, chính xác đi kèm với các dịch vụ hỗ trợ đầu tư cho khách hàng đã giúp khách hàng gia tăng hiệu quả đầu tư.

▲ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban TGD đã chủ động tổ chức, thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.

Hình ảnh của Công ty trên thị trường dần được cải thiện, bước đầu cho thấy hiệu quả của việc đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh, cũng như quá trình không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm. Các báo cáo phân tích, hoạt động tư vấn đầu tư của BOS theo định hướng chuyên sâu về TTCK đã nhận được sự quan tâm và đánh giá cao nhà đầu tư.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2021

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục trên đà hồi phục với tốc độ tăng trưởng GDP ở mức 6-7% nhờ khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh của Chính phủ. Thị trường chứng khoán do đó cũng được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản dựa trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, chính sách tiền tệ nới lỏng, tăng trưởng thu nhập của các công ty niêm yết và sự gia tăng của dòng vốn ETF... Tuy nhiên, rủi ro từ dịch bệnh vẫn còn cao, tính cạnh tranh trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng khốc liệt, rào cản pháp lý và mức độ minh bạch vẫn còn là các thách thức của thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống giao dịch trên sàn Hose liên tục quá tải trong thời gian gần đây đang ảnh hưởng tiêu cực lên tâm lý nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Sau quá trình đổi mới theo hướng đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng công nghệ thông tin, nhân sự và nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, Hội đồng Quản trị đặt ra doanh thu mục tiêu năm 2021 là 160 tỷ, lợi nhuận trước thuế 50 tỷ. Để đạt được mục tiêu trên, HĐQT đưa ra các giải pháp cụ thể sau:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, phân bổ vốn hợp lý cho các hoạt động kinh doanh
- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực - tăng cường thể cạnh tranh, ưu tiên phát triển nhân lực khối môi giới và khối hỗ trợ để nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm
- Đảm bảo vận hành ổn định, liên tục, tốc độ, chính xác hạ tầng công nghệ thông tin
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao thương hiệu, hình ảnh của Công ty.

HĐQT rất mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết của Quý Cổ đông.

A photograph of several business professionals in dark suits gathered around a table, reviewing documents and charts. The scene is lit with a cool blue light, creating a professional and focused atmosphere. One person in the foreground is pointing at a document with a pen, while others look on attentively. The documents on the table feature various charts and graphs.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

▲ Chiến lược phát triển trung - dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS là trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam.

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn - Linh hoạt - Hiệu quả, định hướng phát triển của chúng tôi gồm:

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo theo mô hình ngân hàng đầu tư;
- Vận hành và phát triển hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả: bám sát đặc điểm vận động của thị trường ở các chu kỳ và giai đoạn phát triển khác nhau;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các định chế tài chính trong và ngoài nước, sẵn sàng hợp tác và chia sẻ vì lợi ích khách hàng;
- Nhân sự tinh gọn, chất lượng cao và định hướng hiệu quả công việc. Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện, gắn bó và tương trợ;
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.

▲ Kế hoạch kinh doanh 2021

Với những nỗ lực của Việt Nam đạt được trong năm 2020, nhiều tổ chức quốc tế, định chế tài chính đã dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2021 khá tích cực. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021 với GDP đạt 6,5% khi hoạt động kinh tế trong và ngoài nước tiếp tục bình thường hóa. Trong khi đó, World Bank nhận định triển vọng của Việt Nam được cho là tích cực, dự báo tăng trưởng ở mức 6,8%. Sự hồi phục của nền kinh tế sẽ là yếu tố hỗ trợ cho TTCK tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2021. Bên cạnh đó, TTCK còn nhận được sự hỗ trợ từ các yếu tố tích cực khác như chính sách tiền tệ nới lỏng được duy trì, dòng vốn ETF vào thị trường Việt Nam nhờ triển vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi của MSCI, luật chứng khoán sửa đổi có hiệu lực trong năm 2021... Dù vậy, rủi ro thị trường trong ngắn hạn tiếp tục gia tăng khi Vn-Index đang giao dịch quanh vùng đỉnh 1.200 điểm. Dư nợ margin đang ở mức cao kỷ lục, qua đó tạo áp lực bán tiềm năng nếu thị trường xuất hiện những phiên sụt giảm mạnh liên tiếp. Trong khi đó, thị giá cổ phiếu của nhiều công ty đã quay lại mức trước dịch và thậm chí còn cao hơn. Sự đi lên của thị trường hiện đang vượt quá những kỳ vọng hợp lý từ các yếu tố cơ bản. Do đó, thị trường cần những nhịp điều chỉnh để tạo nền cho sự phát triển bền vững.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định mục tiêu dài hạn là phát triển và mở rộng thị phần dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ, quản trị rủi ro và cung cấp dịch vụ có chất lượng cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh. Việc định hình theo mô hình ngân hàng đầu tư dựa trên nền tảng vốn và quản trị rủi ro chuyên nghiệp sẽ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường và nhà đầu tư. Ban Điều hành đề ra các chỉ tiêu kinh doanh kế hoạch năm 2021, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	KH 2021 (tỷ VNĐ)	TH 2020 (tỷ VNĐ)
1	Doanh thu	160	234
2	Chi Phí	110	99
3	Lợi nhuận trước thuế	50	1.6

Để thực hiện các mục tiêu trên, Ban Điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

- Ưu tiên tối đa nguồn vốn hỗ trợ hoạt động môi giới, dịch vụ chứng khoán
- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nhân sự phù hợp để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao
- Mở rộng mạng lưới cộng tác viên, môi giới đi kèm các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn
- Đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ đầu tư
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro ở tất cả các nghiệp vụ.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

▲ XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS xác định việc gắn liền hoạt động kinh doanh với các hoạt động xã hội là trách nhiệm, đạo đức và cũng là nền tảng văn hóa của Công ty.

Chúng tôi tin rằng, để góp phần phát triển ngành nghề chứng khoán trước hết phải thúc đẩy môi trường làm việc tích cực và cổ vũ lối sống tích cực của đội ngũ nhân viên trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong bước đường sự nghiệp của họ sau này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS xác định chiến lược phát triển dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường công tác đào tạo, phát triển và nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời chú trọng đầu tư chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần để tạo động lực và cơ hội cho nhân viên phát huy hết khả năng, phát triển bản thân và cống hiến cho Công ty.

Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS đã tích cực hỗ trợ và nâng cao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng các nhà đầu tư, thông qua các bài viết trên website và các hoạt động giao lưu, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng nhà đầu tư với các doanh nghiệp, đơn vị thành viên thị trường và cơ quan quản lý.

Công ty cổ phần Chứng khoán BOS sẵn sàng chia sẻ, đóng góp không chỉ những ý kiến và phản biện với tư cách là một thành viên thị trường, mà còn là trung gian tiếp nhận và phản hồi tiếng nói của nhà đầu tư với các cơ quan chức năng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển. Chúng tôi thường xuyên chủ động đóng góp kiến thức với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sàn giao dịch và VSD trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.



Trách nhiệm với cộng đồng

Chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong xã hội đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty trong các năm qua.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
Bao gồm cả chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

NỘI DUNG

◆ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	62 - 65
◆ Báo cáo kiểm toán	66 - 67
◆ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	68 - 103
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	68 - 71
Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020	72 - 73
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020	74 - 75
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2020	76
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020	77 - 103
◆ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	104 - 125
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	106 - 108
Báo cáo kiểm toán	109 - 110
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán	110 - 125

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018: 969.225.090.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, Giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 928/QĐ- UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS được đóng cửa Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và tự doanh Chứng khoán phái sinh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính.

Theo Quyết định số 928/QĐ- UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS được đóng cửa Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm ngày
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	01 tháng 6 năm 2020
Ông Chu Tiến Vượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên	
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	
Bà Tống Hải Ninh	Thành viên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Vũ Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020
Bà Trịnh Thùy Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2020
Bà Trịnh Thùy Linh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Vụ	Thành viên	
Ông Lê Đức Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh
Ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 2906.02.03/2020/BCTC- NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2021 từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá

tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên



Phạm Văn Tuấn
GCNDKHNKT số: 4497-2018-124-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,062,648,445,096	1,089,115,045,454
I. Tài sản tài chính	110		1,061,830,586,943	1,087,630,854,831
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		269,857,162,386	329,607,243,840
1.1. Tiền	111.1	7.1	269,857,162,386	329,607,243,840
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	363,394,481,210	297,786,591,260
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7.3.2	270,000,000,000	300,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.3	146,188,514,360	155,493,205,282
7. Các khoản phải thu	117		11,067,241,944	559,147,590
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	11,067,241,944	559,147,590
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	383,287,500	3,781,287,500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29,227,382,037	29,501,755,217
12. Các khoản phải thu khác	122	7.4.4	821,652,492	10,759,128
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	7.5	(29,109,134,986)	(29,109,134,986)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		817,858,153	1,484,190,623
1. Tạm ứng	131		285,316,700	473,363,580
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	532,541,453	1,010,827,043
5. Thuế GTGT được khấu trừ	135		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73,436,619,926	71,828,945,757
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16,181,106,329	16,419,158,586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.7	4,385,617,769	6,017,435,650
- Nguyên giá	222		17,134,165,075	17,740,776,221
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(12,748,547,306)	(11,723,340,571)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.8	11,795,488,560	10,401,722,936
- Nguyên giá	228		24,514,519,948	19,529,319,948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(12,719,031,388)	(9,127,597,012)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		57,255,513,597	55,409,787,171
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	33,595,317,335	34,520,715,076
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.9	13,639,405,834	10,888,342,620
2. Tài sản dài hạn khác	255		10,020,790,428	10,000,729,475
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,136,085,065,022	1,160,943,991,211

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11,888,148,803	34,370,207,907
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		11,888,148,803	30,166,692,049
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		4,213,706,072	17,902,785,112
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.10	1,393,385,463	933,760,252
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		338,750,000	161,250,000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.11	390,068,644	6,990,620,510
11. Phải trả người lao động	323		690,669,493	1,786,891,080
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.12	125,509,055	96,443,306
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	77,250,000	100,630,000
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329	7.14	290,091,092	133,331,383
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		4,368,718,984	2,060,980,406
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	4,203,515,858
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.15	-	4,203,515,858
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,124,196,916,219	1,126,573,783,304
I. Vốn chủ sở hữu	410	7.16	1,124,196,916,219	1,126,573,783,304
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969,530,383,997	969,530,383,997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969,225,090,000	969,225,090,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1		969,225,090,000	969,225,090,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219,330,000)	(219,330,000)
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524,623,997	524,623,997
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		10,724,210,951	6,755,756,204
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11,263,566,694	7,295,111,947
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1,349,230,439	533,007,986
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		131,329,524,138	142,459,523,170
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		58,245,728,628	183,671,261,916
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		73,083,795,510	(41,211,738,746)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		-	-
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		1,136,085,065,022	1,160,943,991,211

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		96,922,509	96,922,509
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.17	20,248,460,000	57,951,980,000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	7.18	81,110,000,000	-
CTCK	012	7.19	65,050,000,000	131,160,000,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.20	754,372,710,000	3,176,723,240,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		728,709,470,000	965,495,940,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		325,190,000	94,000,000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		8,000,000,000	2,198,100,000,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		153,450,000	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		17,184,600,000	13,033,300,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.21	30,319,010,000	24,031,460,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		30,319,010,000	24,031,460,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.22	42,898,337,420	519,955,716,703
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		42,366,453,854	519,411,352,824
<i>Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>	027.1		-	227,718,060
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		531,883,566	544,363,879
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		531,883,566	544,363,879
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.23	45,724,201,778	526,998,971,298
<i>giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		45,724,201,778	526,998,971,298
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		19,000,000	-



Người lập biểu

Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu B02- CTCK Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		37,771,936,532	44,723,891,140
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.24	-	-
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.25	37,771,813,140	44,723,779,140
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.26	123,392	112,000
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2		22,539,452,057	36,175,342,465
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		56,991,998,048	57,095,569,256
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		32,469,368,144	91,744,268,806
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1,128,789,464	2,178,691,637
1.10. Doanh thu tư vấn tài chính	10		489,090,909	345,909,090
Cộng doanh thu hoạt động	20		151,390,635,154	232,263,672,394
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		125,039,576,843	88,654,730,362
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.24	201,563,297,959	9,000,000,000
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.25	(76,523,721,116)	79,654,730,362
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		8,946,828,858	20,969,368,012
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		738,088,687	1,414,101,444
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		136,421,912	88,243,875
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.27	(3,205,032,680)	718,399,008
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		131,655,883,620	111,844,842,701
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1,216,823,153	1,479,163,755
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.28	1,216,823,153	1,479,163,755

			Năm nay	Năm trước
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.29	18,876,218,670	18,998,019,621
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		2,075,356,017	102,899,973,827
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	7.30	1,822,262	20,000,001
8.2. Chi phí khác	72	7.31	508,122,120	3,969,665,366
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(506,299,858)	(3,949,665,365)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)				
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(112,726,478,097)	133,881,259,684
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		114,295,534,256	(34,930,951,222)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	19,581,213,520
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.32	-	19,581,213,520
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)				
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		(1,163.06)	1,146.54
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	7.33	(1,163.06)	1,146.54

Người lập biểu

Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Lập, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp - Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(3,610,353,271,193)	(2,476,850,074,607)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		3,500,648,085,220	2,460,607,346,717
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(1,905,910,935)	(2,113,356,293)
4. Cổ tức đã nhận	04		123,392	112,000
5. Tiền lãi đã thu	05		69,374,965,672	94,281,040,851
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(13,678,336,387)	(23,942,546,367)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(9,387,577,631)	(7,503,838,111)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(11,178,761,114)	(25,564,387,870)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		14,093,398,632	268,168,360,488
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(22,346,434,110)	(271,331,162,365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(84,733,718,454)	15,751,494,443
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(5,016,363,000)	(10,816,415,180)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		30,000,000,000	200,000,000,000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24,983,637,000	189,183,584,820
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		(59,750,081,454)	204,935,079,263
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.1	329,607,243,840	124,672,164,577
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.1	269,857,162,386	329,607,243,840

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	4,558,620,691,990	3,691,699,112,050
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(19,179,499,809,378)	(50,631,648,967,698)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	14,145,184,401,551	47,379,361,151,489
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(1,362,663,446)	(1,890,893,284)
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(8,000,000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(477,057,379,283)	437,512,402,557
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	30	519,955,716,703	82,443,314,146
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31	519,955,716,703	82,443,314,146
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	32	519,411,352,824	46,496,827,791
	33	544,363,879	35,946,486,355
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	40	42,898,337,420	519,955,716,703
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	41	42,898,337,420	519,955,716,703
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	42	42,366,453,854	519,411,352,824
	44	531,883,566	544,363,879

Người lập biểu

Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Lập ngày 21 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	969,530,383,997	969,530,383,997	-	-	-	-	969,530,383,997	969,530,383,997
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	969,225,090,000	969,225,090,000	-	-	-	-	969,225,090,000	969,225,090,000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần	(219,330,000)	(219,330,000)	-	-	-	-	(219,330,000)	(219,330,000)
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu	524,623,997	524,623,997	-	-	-	-	524,623,997	524,623,997
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ	3,621,349,970	6,755,756,204	3,134,406,234	-	3,968,454,747	-	6,755,756,204	10,724,210,951
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4,160,705,713	7,295,111,947	3,134,406,234	-	3,968,454,747	-	7,295,111,947	11,263,566,694
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	599,986,739	533,007,986	626,881,247	(693,860,000)	1,587,381,899	(771,159,446)	533,007,986	1,349,230,439
8. Lợi nhuận chưa phân phối	71,239,884,437	142,459,523,170	114,300,046,164	(43,080,407,431)	114,295,534,256	(125,425,533,288)	142,459,523,170	131,329,524,138
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	77,520,671,961	183,671,261,916	114,300,046,164	(8,149,456,209)	-	(125,425,533,288)	183,671,261,916	58,245,728,628
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(6,280,787,524)	(41,211,738,746)	-	(34,930,951,222)	114,295,534,256	-	(41,211,738,746)	73,083,795,510
Cộng	1,049,152,310,856	1,126,573,783,304	121,195,739,879	(43,774,267,431)	123,819,825,649	(126,196,692,734)	1,126,573,783,304	1,124,196,916,219

Người lập biểu

Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan



Nguyễn Quỳnh Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán BOS

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000VND; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán: Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi mới nhất tháng 6 năm 2020

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tự vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và Tự doanh Chứng khoán phái sinh.

1.5 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 là: 969.225.090.000VND (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi chín tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng ./.).

1.6 Số lượng nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 49 nhân viên).

1.7 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại theo quý. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.1 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Phương tiện vận tải	6 – 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	3 – 5

4.3 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.4 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

c) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;

- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.

Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.

Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.

Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...

Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

Lãi và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

5. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Riêng cổ phiếu BAV được đánh giá lại theo giá trung bình của ba báo giá của ba công ty chứng khoán tại thời điểm đánh giá lại (xem TM số B.7.24)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	30.452.061	535.340.615
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	269.823.339.264	329.017.209.539
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.371.061	54.693.686
Cộng	269.857.162.386	329.607.243.840

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán	47.830.708	444.084.742.253
- Cổ phiếu	47.830.708	444.084.742.253
b. Của nhà đầu tư	1.299.717.810	20.888.713.338.600
- Cổ phiếu	1.299.717.810	20.888.713.338.600
Tổng cộng	1.347.548.518	21.332.798.080.853

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	87.200.988.200	137.534.783.710	165.888.632.506	80.066.393.760
Cổ phiếu chưa niêm yết	203.109.697.500	225.859.697.500	173.109.697.500	217.720.197.500
Cộng	290.310.685.700	363.394.481.210	338.998.330.006	297.786.591.260

7.3.2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Phương Đông có thời hạn 7 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

7.3.3. Các khoản cho vay và phải thu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	142.230.213.295	142.230.213.295	141.956.337.435	141.956.337.435
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	3.958.301.065	3.958.301.065	13.536.867.847	13.536.867.847
Cộng	146.188.514.360	146.188.514.360	155.493.205.282	155.493.205.282

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

A.7.4. Các khoản phải thu

7.4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	9.557.260.275	147.945.205
Dự thu lãi cho vay margin	1.509.981.669	411.202.385
Cộng	11.067.241.944	559.147.590

7.4.2. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	-	3.333.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (*)	-	3.333.000.000
Trả trước cho người bán khác	383.287.500	448.287.500
Các đối tượng khác	383.287.500	448.287.500
Trả trước cho bên liên quan	383.287.500	3.781.287.500

(*) Là khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại toà nhà Saigon Centre theo hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC ngày 28 tháng 02 năm 2018, giá trị hợp đồng là 9.999.000.000 VND, thời hạn thuê là 33 tháng. Ngày 30 tháng 6 năm 2020 hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng trước hạn, theo biên bản thanh lý hợp đồng số 3006/BBTL/FLC- BOS Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC sẽ hoàn trả lại số tiền 1.515.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC còn nợ Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS 415.000.000 (Xem thuyết minh A.7.4.4).

7.4.3. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	24.637.609	24.655.721
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	217.500.000	258.600.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	106.778.028	340.652.010
Phải thu dịch vụ khác	28.878.466.400	28.877.847.486
Cộng	29.227.382.037	29.501.755.217
Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi	29.018.847.486	29.018.847.486

7.4.4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác bên liên quan	415.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	415.000.000	-
Phải thu đối tượng khác	406.652.492	10.759.128
Các đối tượng khác	406.652.492	10.759.128
Cộng	821.652.492	10.759.128

A.7.4. Các khoản phải thu

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(29.109.134.986)	(29.109.134.986)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	(29.109.134.986)	(29.109.134.986)

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Năm 2020		
			Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số cuối năm
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.018.847.486	29.018.847.486	-	29.018.847.486
	Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	1.985.767.855		1.985.767.855
	Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	1.802.130.395		1.802.130.395
	Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078	1.128.657.078		1.128.657.078
	Mai Đức Nam	2.392.082.423	2.392.082.423		2.392.082.423
	Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	3.245.015.924		3.245.015.924
	Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	1.744.423.468		1.744.423.468
	Nguyễn Trà My	2.444.898.378	2.444.898.378		2.444.898.378
	Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	3.167.341.425		3.167.341.425
	Võ Hưng Hiếu	2.791.041.936	2.791.041.936		2.791.041.936
	Khách hàng khác	8.317.488.604	8.317.488.604		8.317.488.604
2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	90.287.500		90.287.500
	Khách hàng khác	3.000.000	3.000.000		3.000.000
	CTCP phần mềm OOS	20.000.000	20.000.000		20.000.000
	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ	25.200.000	25.200.000		25.200.000
	Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế	42.087.500	42.087.500		42.087.500
	CỘNG	29.109.134.986	29.109.134.986		29.109.134.986

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

A.7.6. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm máy tính	-	5.449.997
Chi phí công cụ dụng cụ	110.255.282	419.338.315
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	179.995.000	146.438.433
Chi phí bảo trì hệ thống	93.241.673	212.689.547
Chi phí bảo hiểm	75.628.198	88.631.791
Chi phí khác	73.421.300	138.278.960
Cộng	532.541.453	1.010.827.043

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	33.567.154.225	34.405.061.848
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.699.719	86.324.187
Chi phí khác	13.463.391	29.329.041
Cộng	33.595.317.335	34.520.715.076

A.7.7. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.081.934.921	2.541.597.300	117.244.000	17.740.776.221
Tăng trong năm do mua mới	31.163.000	-	-	31.163.000
Giảm do phân loại lại	(637.774.146)	-	-	(637.774.146)
Số cuối năm	14.475.323.775	2.541.597.300	117.244.000	17.134.165.075
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.393.816.595	1.098.957.300	-	8.492.773.895
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.352.382.501	1.333.265.805	37.692.265	11.723.340.571
Khấu hao trong năm	1.486.421.989	144.264.000	32.294.892	1.662.980.881
Giảm do phân loại lại	(637.774.146)	-	-	(637.774.146)
Số cuối năm	11.201.030.344	1.477.529.805	69.987.157	12.748.547.306
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	4.729.552.420	1.208.331.495	79.551.735	6.017.435.650
Số cuối năm	3.274.293.431	1.064.067.495	47.256.843	4.385.617.769

A.7.8. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18.094.537.400	1.434.782.548	19.529.319.948
Tăng do mua sắm mới	4.985.200.000	-	4.985.200.000
Số cuối năm	23.079.737.400	1.434.782.548	24.514.519.948
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.376.690.400	1.364.782.548	7.741.472.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.746.763.085	1.380.833.927	9.127.597.012
Khấu hao trong năm	3.567.457.212	23.977.164	3.591.434.376
Số cuối năm	11.314.220.297	1.404.811.091	12.719.031.388
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.347.774.315	53.948.621	10.401.722.936
Số cuối năm	11.765.517.103	29.971.457	11.795.488.560

A.7.9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	10.241.719.513	8.335.808.578
Tiền lãi được phân bổ trong năm	3.277.686.321	2.432.534.042
Cộng	13.639.405.834	10.888.342.620

A.7.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV FLC Land	138.664.609	426.307.657
Công ty luật TNHH SMIC	341.584.100	341.584.100
Công ty Cổ phần công nghệ tin học và dịch vụ Goline	702.900.000	-
Các đối tượng khác	210.236.754	165.868.495
Cộng	1.393.385.463	933.760.252

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

A.7.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	20.454.545	9.573.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.543.230.239
Thuế thu nhập cá nhân	369.614.099	437.817.088
Cộng	390.068.644	6.990.620.510

Thuế giá trị gia tăng

Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lãi cho vay, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán là hoạt động không chịu thuế GTGT. Các hoạt động khác 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	125.509.055	93.949.245
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	2.494.061
Cộng	125.509.055	96.443.306

A.7.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quản lý CTCK	77.250.000	100.630.000
Cộng	77.250.000	100.630.000

A.7.14. Các khoản phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả, phải nộp khác	290.091.092	133.331.383
Cộng	290.091.092	133.331.383

A.7.15. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả TK 083C003060–Đường Thị Quy (*)	-	4.203.515.858
Cộng	-	4.203.515.858

(*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên. Theo đó, Công ty đã tạm tính lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản tương ứng với lãi suất cơ bản của NHNN 9%/năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.203.515.858 VND. Ngày 07 tháng 7 năm 2020 công ty nhận được quyết định số 801/QĐ-CCTHADS về việc quyết định thi hành án, theo đó Công ty Cổ phần chứng khoán BOS phải trả cho bà Đường Thị Quy tổng số tiền là 4.998.483.178 trong đó 4.000.000.000 là tiền gốc và 998.483.178 VND lãi phát sinh. Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng phải trả đã trích thừa và ghi nhận đúng nghĩa vụ phải trả theo quyết định thi hành án. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 đơn vị đã thanh toán đủ nghĩa vụ phải trả trên.

A.7.16. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ DPTC và rủi ro nghề nghiệp	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn CSH
Số đầu năm trước	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	4.160.705.713	3.621.349.970	599.986.739
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.134.406.234	3.134.406.234	626.881.247
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(693.860.000)
Số dư cuối năm trước	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	7.295.111.947	6.755.756.204	533.007.986
Số dư đầu năm nay	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	7.295.111.947	6.755.756.204	533.007.986
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.968.454.747	3.968.454.747	1.587.381.899
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(771.159.446)
Số dư cuối năm	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	11.263.566.694	10.724.210.951	1.349.230.439

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Giá trị
Ông Huỳnh Văn Thành	5,92%	57.395.000.000
Cổ đông khác	94,08%	911.830.090.000
Cộng	100,00 %	969.225.090.000

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	58.245.728.628	183.671.261.916
Lợi nhuận chưa thực hiện	73.083.795.510	(41.211.738.746)
Cộng	131.329.524.138	142.459.523.170

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

A.7.17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.248.460.000	57.951.980.000
Cộng	<u>20.248.460.000</u>	<u>57.951.980.000</u>

A.7.18. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	81.110.000.000	-
Cộng	<u>81.110.000.000</u>	<u>-</u>

A.7.19. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	65.050.000.000	131.160.000.000
Cộng	<u>65.050.000.000</u>	<u>131.160.000.000</u>

A.7.20. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	728.709.470.000	965.495.940.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	2.198.100.000.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	325.190.000	94.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	153.450.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	17.184.600.000	13.033.300.000
Cộng	<u>754.372.710.000</u>	<u>3.176.723.240.000</u>

A.7.21. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	30.319.010.000	24.031.460.000
Cộng	<u>30.319.010.000</u>	<u>24.031.460.000</u>

A.7.22. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42.366.453.854	519.411.352.824
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>42.366.453.854</i>	<i>519.411.352.824</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	531.883.566	544.363.879
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>531.883.566</i>	<i>544.363.879</i>
Cộng	<u>42.898.337.420</u>	<u>519.955.716.703</u>

A.7.23. Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	45.724.201.778	526.998.971.298
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>45.724.201.778</i>	<i>526.998.971.298</i>
Cộng	<u>45.724.201.778</u>	<u>526.998.971.298</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B.7.24. Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3=1*2		4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết	25.050.530		145.604.544.300		347.167.842.259	(201.563.297.959)	(9.000.000.000)
	+ ROS	25.050.530	5.812	145.604.544.300		347.167.842.259	(201.563.297.959)	-
	+AMD	-	-	-		-	-	(9.000.000.000)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-		-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-		-	-	-
	Tổng cộng	25.050.530		145.604.544.300		347.167.842.259	(201.563.297.959)	(9.000.000.000)

B.7.25. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E	F	G	H
I	Loại FVTPL	290.310.685.700	363.394.481.210		37.771.813.140	76.523.721.116	(41.211.738.746)	73.083.795.510
1	Cổ phiếu niêm yết	87.200.988.200	137.534.783.710		59.632.313.140	76.523.721.116	(85.822.238.746)	50.333.795.510
	FLC	1.611.710.493	911.824.550			(9.966.690)	(689.919.253)	(699.885.943)
	HAI	2.972.658.445	759.343.080		26.019.660		(2.239.335.025)	(2.213.315.365)
	KLF	7.772.814.914	2.032.880.300		618.702.700		(6.358.637.314)	(5.739.934.614)
	GAB	74.838.000.000	133.824.000.000		58.986.000.000			58.986.000.000
	ROS(***)	80.672	35.420		-	76.533.983.056	(76.534.028.308)	(45.252)
	Các cổ phiếu khác	5.723.676	6.700.360		1.590.780	(295.250)	(318.846)	976.684

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E	F	G	H
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	203.109.697.500	225.859.697.500		(21.860.500.000)	-	44.610.500.000	22.750.000.000
	ITASCO	110.000.000	110.000.000		-	-		
	BAV(*)	130.000.000.000	152.750.000.000		22.750.000.000	-		22.750.000.000
	FHH(**)	72.999.000.000	72.999.000.000		(44.610.500.000)	-	44.610.500.000	
	CIC	697.500	697.500		-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-		-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	-	-		-	-	-	-
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-		-	-	-	-
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết	-	-		-	-	-	-
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết	-	-		-	-	-	-
8	Các khoản đầu tư cho vay	-	-		-	-	-	-
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp	-	-		-	-	-	-
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu	-	-		-	-	-	-
II	Loại HTM	-	-		-	-	-	-
III	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu	-	-		-	-	-	-
IV	Loại AFS	-	-		-	-	-	-
	Cộng	290.310.685.700	363.394.481.210		37.771.813.140	76.523.721.116	(41.211.738.746)	73.083.795.510

(*) Cổ phiếu BAV được đánh giá lại theo giá trung bình của ba báo giá của ba công ty chứng khoán tại thời điểm đánh giá lại.

(**) Cổ phiếu FHH không thu thập được giá tại thời điểm lập báo cáo nên không thực hiện đánh giá, Công ty

thực hiện ghi giảm giá trị đã đánh giá năm trước.

(***) Cổ phiếu ROS Công ty đã bán trong năm. Do đó, Công ty thực hiện ghi giảm giá trị đã đánh giá lại năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B.7.26.Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	123.392	112.000
Cộng	<u>123.392</u>	<u>112.000</u>

B.7.27.Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng phải trả	(3.205.032.680)	-
Dự phòng chi phí phải trả	-	705.428.858
Chi phí khác	-	12.970.150
Cộng	<u>(3.205.032.680)</u>	<u>718.399.008</u>

B.7.28.Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.216.823.153	1.479.163.755
Cộng	<u>1.216.823.153</u>	<u>1.479.163.755</u>

B.7.29.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.215.055.322	7.988.861.850
Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng	725.957.099	530.278.382
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.254.415.257	2.908.993.945
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.422.000	25.061.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.635.755.608	7.544.824.444
Chi phí khác	39.613.384	-
Cộng	<u>18.876.218.670</u>	<u>18.998.019.621</u>

B.7.30.Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	-	20.000.000
Thu nhập khác	1.822.262	1
Cộng	<u>1.822.262</u>	<u>20.000.001</u>

B.7.31. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế	350.722.673	3.844.142.787
Phạt vi phạm hành chính	-	125.000.000
Chi phí khác	157.399.447	522.579
Cộng	<u>508.122.120</u>	<u>3.969.665.366</u>

B.7.32.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.569.056.159	98.950.308.462
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.165.078.480	3.995.615.366
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>520.356.120</i>	<i>3.995.615.366</i>
<i>Lỗi chưa thực hiện</i>	<i>644.722.360</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(37.771.936.532)	(32.865.665.498)
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>(123.392)</i>	<i>(112.000)</i>
<i>Lãi chưa thực hiện</i>	<i>(37.771.813.140)</i>	<i>(32.865.553.498)</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>(35.037.801.893)</u>	<u>70.080.258.330</u>
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	-	70.080.258.330
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	14.016.051.666
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>5.565.161.854</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>19.581.213.520</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B.7.33.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế đã thực hiện	(112.726.478.097)	114.300.046.164
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.174.763.798)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(112.726.478.097)	111.125.282.366
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	96.922.509	96.922.509
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.163,06)	1.146,54

8.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thu nhập ban lãnh đạo	2.319.032.337	2.385.024.884
Cộng	2.319.032.337	2.385.024.884

b, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Anh trai của thành viên HĐQT Bà Trịnh Thị Thúy Nga là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC Chủ tịch HĐQT Công ty là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	Anh trai của thành viên HĐQT Bà Trịnh Thị Thúy Nga là Chủ tịch HĐQT của CTCP Hàng không Tre Việt
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh phát triển Bất động sản FLCHOMES	Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh phát triển Bất động sản FLCHOMES

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Giá trị chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Giá trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	1.611.710.493
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	80.672
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	130.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất Động sản FLCHOMES	72.999.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh A.7.4.2 ./.

8.2 Thông tin so sánh

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Giá trị chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Mã số	Số liệu năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	1.155,71	1.146,54

Người lập biểu

Trần Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Lập ngày 24 tháng 03 năm 2021
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
đã được kiểm toán



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018; Giấy phép điều chỉnh số 25/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ công ty; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS; Giấy phép điều chỉnh số 75/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc điều chỉnh thông tin của người đại diện theo pháp luật; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018: 969.225.090.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà văn phòng 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, Giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định số 928/QĐ- UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS được đóng cửa Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Môi giới và tự doanh Chứng khoán phái sinh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 928/QĐ- UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS được đóng cửa Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm ngày
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	01 tháng 6 năm 2020
Ông Chu Tiến Vượng	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên	
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	
Bà Tống Hải Ninh	Thành viên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Vũ Thị Hường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2020
Bà Trịnh Thùy Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2020
Bà Trịnh Thùy Linh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Anh Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đăng Vụ	Thành viên	
Ông Lê Đức Linh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Lãnh đạo Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh
Ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS
Số: /2021/BC-BOS
V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Lan

Bộ phận Kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Thanh

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Quỳnh Anh

BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	969.225.090.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.724.210.951		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.263.566.694		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.349.230.439		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	131.329.524.138		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	29.109.134.986		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			1.153.306.051.205

BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		29.109.134.986	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		29.018.847.486	
11	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu nội bộ			
12	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
14	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Các khoản phải thu khác			
15	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		90.287.500	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
16	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
II	Tài sản ngắn hạn khác		915.828.953	
	Tạm ứng			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		532.541.453	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác		383.287.500	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	TỔNG		30.024.963.939	
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
II	Tài sản cố định		16.181.106.329	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		33.595.317.335	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn			
2	Chi phí trả trước dài hạn		47.234.723.169	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		13.639.405.834	
5	Tài sản dài hạn khác			
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	TỔNG		63.415.829.498	

BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo		915.828.953	
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		10.020.790.428	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường CKPS)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
1D	Tổng		10.020.790.428	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			1.049.844.467.340



BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0	269.857.162.386	-
2	Các khoản tương đương tiền	0		
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	270.000.000.000	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40		
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	135.501.305.110	13.550.130.511
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	2.033.310.700	304.996.605
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	167.900	33.580
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	72.999.000.000	21.899.700.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	110.000.000	55.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40		

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1) x (2)
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	697.500	348.750
VII. Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8		
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán).</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				
18	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	3		
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán).</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				
VIII. Chứng khoán khác				
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	152.750.000.000	122.200.000.000
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25		
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100		
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8		
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10		
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Pox Qox k - P1 x Q1) x R - MD</p>				

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	30		
26	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	30		
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	BAV (Tổng giá trị đầu tư vào mã BAV chiếm từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty)	10%	122.200.000.000	122.200.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX):				170.230.209.446 (Đơn vị tính: đồng)

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	16.200.000.000
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	3.240.000.000
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	19.440.000.000

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)								
		Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		Hệ số rủi ro (%)						
Loại hình giao dịch		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác					16.200.000.000		16.200.000.000
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							16.200.000.000	

GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16		
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32		
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48		
4	Từ 60 ngày trở đi	100		
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				

3. Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông kỳ hạn 7 tháng (giá trị hợp đồng tiền gửi chiếm từ 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của Công ty)	20%	16.200.000.000	3.240.000.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				3.240.000.000 Đơn vị tính: đồng



GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	151.040.224.410
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	5.254.415.257
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	145.785.809.153
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	36.446.452.288
V	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		50.000.000.000 Đơn vị tính: đồng

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chi phí khấu hao	5.254.415.257
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp:	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	170.230.209.446	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	19.440.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	239.670.209.446	
5	Vốn khả dụng	1.049.844.467.340	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	438,04%	

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ LAN

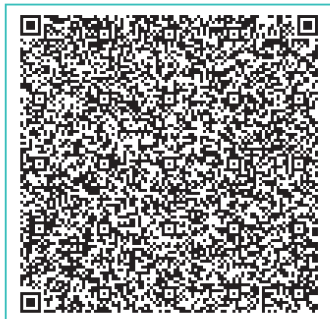
Bộ phận KSNB

NGUYỄN THỊ THANH THANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỲNH ANH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BOS



Tel: 024. 3936 8366
Fax: 024. 3936 8377



contact@bos.vn
www.bos.vn



Tầng 25, Bamboo Airways
Tower, 265 Cầu Giấy
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy
Hà Nội